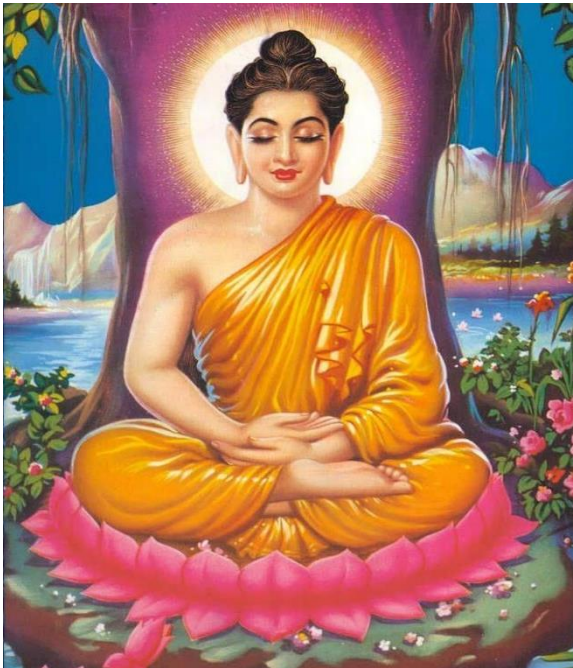


Kinh KIM CƯƠNG của TRÍ-HUỆ TOÀN HẢO

DIAMOND OF PERFECTION OF WISDOM SUTRA

金剛般若波羅蜜經



Theo Cam Lồ Chỉ Dẫn bởi
H.E. CHODEN RINPOCHE

Dưới Sự Sắp Đặt Thực Hành và Các Bài Hướng Dẫn của
KHEN RINPOCHE GESHE GYALTEN

Bản THẢO 2 Tiếng VIET, English & Chinese ed.1.0

Awakening Vajra International

3888 Balcom Road

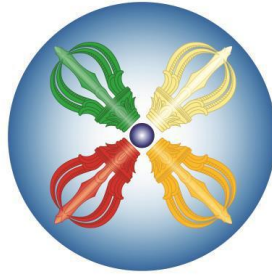
San Jose, CA 95418

awakeningvajrainternational.org

info@awakeningvajrainternational.org

This work is copyrighted worldwide, under United States copyright laws, by Awakening Vajra, under the guidance of its Spiritual Director, Khen Rinpoche Geshe Gyaltan Kungka. No part of this book may be reproduced or transmitted in any form, in any language or by any means, electronic or mechanical, including, but not limited to: publishing, photocopying, recording or any other information storage retrieval and transmission system without the written permission of Awakening Vajra principals or legal representatives.

Sách này, Awakening Vajra có bản quyền trên toàn thế giới, theo luật bản quyền Hoa Kỳ, dưới sự hướng dẫn của Giám đốc tâm linh, Khen Rinpoche Geshe Gyaltan Kungka. Không một phần nào của cuốn sách này có thể được sao chép hoặc truyền tải dưới bất kỳ hình thức nào, bằng bất kỳ ngôn ngữ nào hoặc bằng bất kỳ phương tiện nào, điện tử hoặc cơ khí, bao gồm, nhưng không giới hạn ở: xuất bản, sao chép, ghi âm hoặc bất kỳ hệ thống truy xuất và truyền tải thông tin nào khác mà không có sự cho phép bằng văn bản của hiệu trưởng Awakening Vajra hoặc đại diện pháp lý.



Kinh KIM CƯƠNG của TRÍ-HUỆ TOÀN HẢO

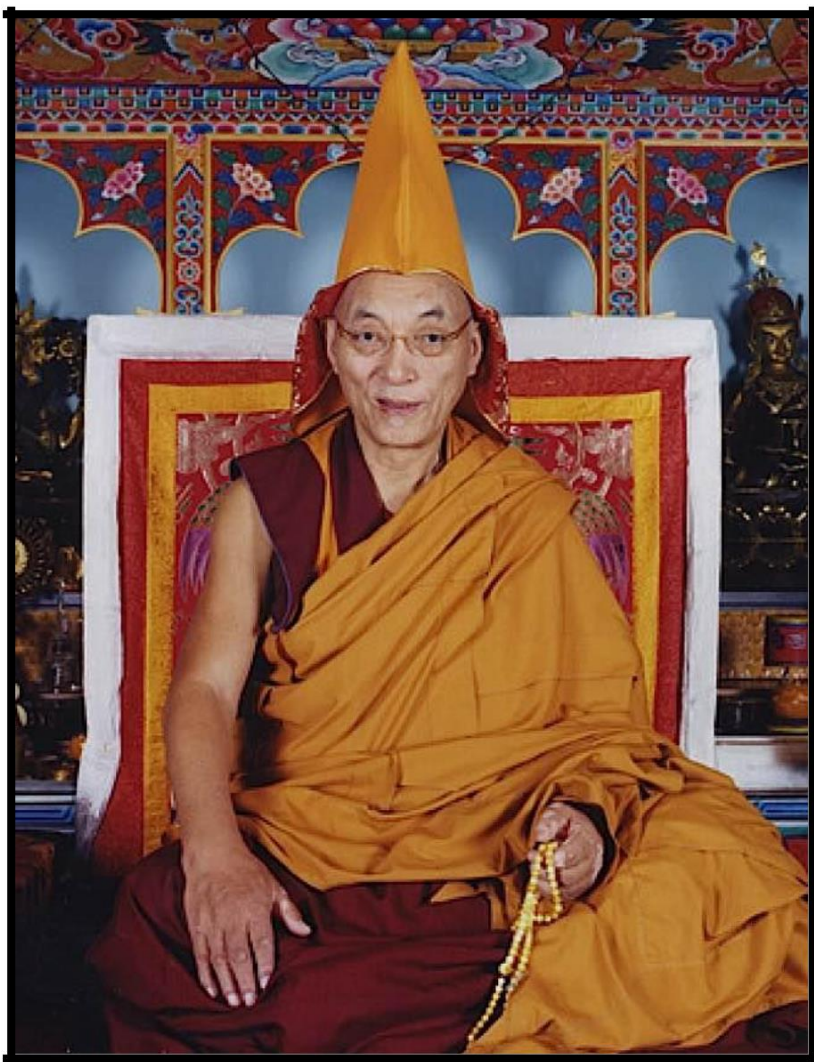
DIAMOND OF PERFECTION OF WISDOM SUTRA

金剛般若波羅蜜經

From the nectar instructions of
H.E. CHODEN RINPOCHE

Practice arrangement and text instructions by
KHEN RINPOCHE GESHE GYALTEN

Bản THẢO 2 Tiếng VIỆT, English & Chinese ed.1.0



H.E. KYABJE CHODEN RINPOCHE

ཨོ་ཨ་གུ་རུ་བཅོམ་ཞུ་མ་ཉི་ལྟ་ཡ་ཤུ་ས་ན་བེ་ལྟ་ཡ་ཨི་ཤ་ར་སཐ་སེད་ཕྱུ་རྩྱུ་

**OM AH GURU VAJRADHARA SUMATI DZAYA SHASANA
VIBHAYA ISHVARA SARWA SIDDHI HUM HUM**



KHEN RINPOCHE GESHE GYALTEN

ཨོཾ་ཨ་ཀུ་རུ་བཅོམ་ཏེ་རྒྱལ་པོ་འཕགས་པ་འཇུག་པའི་སྐྱེ་བོ།

**OM AH GURU VAJRADHARA SUMATI
DZAYA SHASANA ANANDA SARWA SIDDHI HUM HUM**

MỤC LỤC Contents

CẦU NGUYỆN LÚC BẮT ĐẦU, PRELIMINARY PRAYERS9

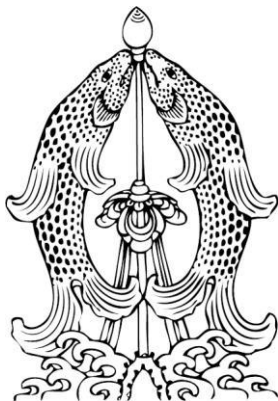
1.	QUY Y Refuge [三皈依]	10
2.	PHÁT BỒ ĐỀ TÂM Bodhicitta Prayer [皈依發心]	11
3.	TỨ VÔ LƯỢNG TÂM, Four Immeasurables [四無量心].....	12
4.	Kinh KIM CƯƠNG của TRÍ-HUỆ TOÀN HẢO	13
	KHAI KINH - SUTRA OPENING VERSE - 開經偈.....	14
1.	NHÂN DUYÊN PHÁP HỘI, CONVOCATION OF THE ASSEMBLY, 法會 因由分第.....	14
2.	THIỆN HIỆN KHỞI THỈNH PHÁP, SUBHUTI REQUESTS THE TEACHING, 善現啟請分第二.....	15
3.	CHÍNH TÔNG ĐẠI THỪA - BỒ TÁT GIỚI THE BODHISATTVA VOWS, 大乘正宗分第三	17
4.	DIỆU HẠNH VÔ TRỤ - BỐ THÍ KHÔNG BẮM CHẤP, UNATTACHED PRACTICE OF CHARITY, 妙行無住分第四.....	18
5.	NHƯ LÝ THỰC KIẾN - THUỘC TÍNH VẬT LÝ CỦA PHẬT QUẢ, PHYSICAL ATTRIBUTES OF BUDDHAHOOD 如理實見分第五	20
6.	CHÁNH TÍN HIẾM CÓ - CÔNG ĐỨC CỦA TÍN TÂM, THE MERIT OF TRUE FAITH 正信希有分第六.....	21
7.	KHÔNG ĐẮC, KHÔNG THUYẾT NÓI - NO ATTAINMENT, NO TEACHING, 無得無說分第七.....	24
8.	Y PHÁP XUẤT SINH - THEO PHÁP MÀ SINH, REAL MERIT HAS NO MERIT 依法出生分第八.....	25
9.	TƯỚNG VÔ TƯỚNG CỦA ALAHÁN - BỐN GIAI TRÌNH CỦA A LA HÁN, THE FOUR STAGES OF AN ARHAT 相無相分第九	27
10.	TRANG NGHIÊM TỊNH THỔ - CHUYỂN SANG CỖ PHẬT, TRANSFORMATION TO A BUDDHA WORLD, 莊嚴淨土分第十 ...	30
11.	PHÚC THẮNG NGHĨA ĐẾ VÔ VI - CÔNG ĐỨC CỦA KINH, MERITS OF THIS SUTRA, 無為福勝分第十一	33

12.	TÔN TRỌNG CHÍNH GIÁO, CÔNG ĐỨC LẠ THƯỜNG NHẤT, THE MOST EXTRAORDINARY MERIT, 尊重正教分第十二.....	34
13.	NHƯ PHÁP THỌ TRÌ, NAMING OF THE SUTRA, 如法受持分第十三.....	35
14.	LY TƯỞNG TỊNH DIỆT, A MIND WITHOUT ATTACHMENTS, 離相寂滅分第十四.....	39
15.	CÔNG ĐỨC TRÌ KINH - KINH LÀ PHƯƠNG TIỆN CHUYỀN CHỞ TUYỆT ĐỈNH, THE SUTRA IS A SUPREME VEHICLE, 持經功德分第十五..	45
16.	NĂNG TỊNH NGHIỆP CHƯỞNG, PURGATION OF BAD KARMA, 能淨業障分第十六.....	48
17.	CỨU-CÁNH VÔ NGÃ - TẤT CẢ PHÁP KHÔNG LÀ PHÁP ALL DHARMAS ARE NON-DHARMAS, 究竟無我分第十七.....	51
18.	NHẤT THỂ ĐỒNG QUÁN - TẤT CẢ Ý TƯỞNG VÔ HÌNH KHÔNG THỂ SỜ, ALL THOUGHTS ARE INTANGIBLE, 體同觀分第十八.....	57
19.	PHÁP GIỚI THÔNG HÓA - KHÔNG CÔNG ĐỨC LÀ CÔNG ĐỨC LỚN, NO MERIT IS GREAT MERIT, 界通化分第十九.....	60
20.	Y SẮC LY TƯỞNG - CÁC THUỘC-TÍNH VẬT-LÝ SIÊU-VIỆT, TRANSCENDING PHYSICAL ATTRIBUTES, 離色離相分第二十.....	61
21.	PHI THUYẾT SỞ THUYẾT, KHÔNG NÓI ĐIỀU CÓ THỂ NÓI – KHÔNG CÓ PHÁP ĐỂ GIẢNG, THERE IS NO DHARMA TO TEACH, 非說所說分第二十一.....	62
22.	VÔ PHÁP KHẢ ĐẮC - KHÔNG CÓ PHÁP NÀO CÓ THỂ ĐẮC, NO ATTAINMENT IS SUPREME ENLIGHTENMENT, 無法可得分第二十二.....	64
23.	TỊNH TÂM HÀNH THIỆN - TẤT CẢ PHÁP BẰNG NHAU, ALL DHARMAS ARE EQUAL 心行善分第二十三.....	65
24.	PHÚC TRÍ VÔ BỈ - KHÔNG THỂ SO SÁNH CÔNG ĐỨC TRUYỀN KINH, THE MERITS OF TRANSMITTING THE SUTRA 福智無比分第二十四.....	66
25.	HÓA VÔ SỞ HÓA - KHÔNG CÓ CHÚNG SINH ĐỂ GIẢI THOÁT, THERE ARE NO BEINGS TO LIBERATE 化無所化分第二十五.....	67

26.	PHÁP THÂN PHI TƯỚNG ĐỪNG TÌM PHẬT TRONG SẮC TƯỚNG HAY ÂM THANH, SEEK THE BUDDHA NOT IN FORM OR SOUND, 法身非 相分第二十六	68
27.	VÔ ĐOẠN VÔ DIỆT - TRÁNH CÁI THẤY ĐOẠN-DIỆT, AVOID ANNIHILISTIC VIEWS 無斷無滅分第二十七	70
28.	BẤT THỤ BẤT THAM - BỒ TÁT KHÔNG TÍCH CÔNG ĐỨC, BODHISATTVAS DO NOT ACCUMULATE MERITS 不受不貪分第二 十八	71
29.	UY NGHỊ TỊCH TỊNH LAI - KHÔNG ĐẾN KHÔNG ĐI, THUS-COME-ONE NEITHER COMES NOR GOES, 威儀寂靜分第二十九	73
30.	NHẤT HỢP LÝ TƯỚNG, BẢN CHẤT CỦA THẾ GIỚI, THE NATURE OF THE WORLD, 合理相分第三十	73
31.	TRÍ KIẾN KHÔNG SINH - TIÊU DIỆT BỐN KIẾN THẤY, EXTINCTION OF THE FOUR VIEWS, 知見不生分第三十一	75
32.	ỨNG HÓA PHI CHÂN - TẤT CẢ PHÁP LÀ ẢO TƯỚNG, ALL PHENOMENA ARE ILLUSIONS 應化非真分第三十二	77
CẦU NGUYỆN LÚC KẾT THÚC.....		79
5.	HỒI HƯỚNG DEDICATION [迴向].....	80
6.	TÁN DƯƠNG LAMA TSONGKHAPA, PRAISE OF LAMA TSONGKHAPA, [無緣悲心贊].....	86
7.	CẦU NGUYỆN KHEN RINPOCHE GESHE GYALTEN KUNGHA TRƯỜNG THỌ LONG LIFE PRAYER.....	87
8.	MINH CHÚ HỒNG DANH.....	91



**CẦU NGUYỆN LÚC BẮT ĐẦU,
PRELIMINARY PRAYERS**



1. QUY Y Refuge [三皈依]

ནམ་ལུ་འཁྱུར་མེད་བླ་ཡུང
ནམ་ཁྱེད་ཡུང་མྱོང་ནམ་ཁྱེད་ཡུང་།

namo guru bhya
namo buddhaya
namo dharmaya
namo sanghaya

Đệ tử và chúng sinh như không gian vô tận
Từ nay cho đến ngày đạt tinh túy giác ngộ

Nguyện Quy y Đạo Sư
Quy y Phật Thế Tôn
Quy y Chân Diệu Pháp
Quy y Chư Thánh Tăng

I pay homage to the Guru
I pay homage to the Buddha
I pay homage to the Dharma
I pay homage to the Sangha.

歸依上師 □ 歸依佛陀
歸依正法 □ 歸依僧伽

(3x)



2. PHÁT BỒ ĐỀ TÂM Bodhicitta Prayer [皈依發心]

སངས་རྒྱལ་ཚེས་དང་ཚེགས་ཀྱི་མཚན་རྣམས་ལ། བྱང་རྒྱལ་བར་དུ་བདག་ནི་སྦྱབས་
སྤྱ་མཆོ། བདག་གིས་ཚེས་ཉན་བགིས་པའི་བསྐྱེད་རྣམས་ཀྱིས། འགྲོ་ལ་ཕན་ཕྱིར་
སངས་རྒྱལ་འགྲུབ་པར་ཤོག

**sang.gye chödang tsokkyi
chog.nam la jangchub bardu dakni
kyabsu chi dakgi chö.nyen gyipé
sönam kyi drola penchir sang.gye
drubpar shog**

Con quy y cho đến khi giác ngộ
Con nương tựa Phật, Pháp và Tăng
Nhờ công đức con tạo nay nghe học Pháp
Nguyện đạt Phật đạo để phúc lợi tất cả chúng sanh.

**I take refuge until I am enlightened
In the Buddha, the Dharma and the Sangha
By the merit I create from listening to the Dharma
May I attain Buddhahood in order to benefit all sentient
beings.**

我趨歸依佛法眾中尊
直至圓滿證得菩提果
惟願以此布施諸功德
成就佛道以饒益眾生

(3x)



3. TỨ VÔ LƯỢNG TÂM, Four Immeasurables [四無量心]

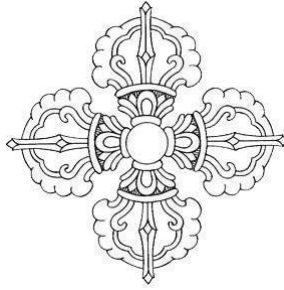
མེས་ཅན་ཐམས་ཅད་བདེ་བ་དང་བདེ་བའི་རྒྱ་དང་ཐུན་པར་གྱུར་ཅིག
མེས་ཅན་ཐམས་ཅད་སྤྱད་བསྐྱེད་དང་སྤྱད་བསྐྱེད་གི་རྒྱ་དང་བྲལ་བར་གྱུར་ཅིག
མེས་ཅན་ཐམས་ཅད་སྤྱད་བསྐྱེད་མེད་པའི་བདེ་བ་དང་མི་འབྲས་བར་གྱུར་ཅིག
མེས་ཅན་ཐམས་ཅད་ཉེ་རིང་ཆགས་ཐུང་གཉིས་དང་བྲལ་བའི་བདེ་བ་མེས་ཅན་གནས་པར་གྱུར་ཅིག །

semchen tamché dewa dang dewé gyudang denpar gyur chik
semchen tamché duk.ngal dang
duk.ngal gyi gyudang drelwar gyur chik
semchen tamché duk.ngal mepé dewa dang mi.dral war gyur
chik
semchen tamché nyering chakdang nyi.dang dralwé
tang.nyom.la nepar gyur chik

Nguyện tất cả chúng sinh được hạnh phúc và nhân hạnh phúc
Nguyện tất cả chúng sinh thoát đau khổ và nhân của khổ
Nguyện tất cả chúng sinh không thể lìa an lạc vắng khổ
Nguyện tất cả chúng sinh an trụ trong bình đẳng, thoát tham luyến
người thân và thoát sân kẻ thù (3x)

May all sentient beings have happiness and the causes of
happiness.
May all sentient beings be free from
suffering and the causes of suffering.
May all sentient beings be inseparable
from the happiness that is free from suffering.
May all sentient beings abide in equanimity,
free from attachment for friends and hatred for enemies.

願一切有情具足樂及樂因。
願一切有情遠離苦及苦因。
願一切有情不離無苦妙樂。
願一切有情遠離親疏愛憎，安住平等捨。(3x)



4. Kinh KIM CƯƠNG của TRÍ-HUỆ TOÀN HẢO

THE DIAMOND OF
PERFECT WISDOM SUTRA

金剛般若波羅蜜經

Trích Hán dịch của Cưu-Ma-la-Thập,
Diệu-Tần Tam-Tạng Pháp-Sư

Tripitaka Master Kumarajiva

BẢN THẢO 2 Dựa theo Việt dịch: H.T. Thích Trí-Tịnh

.姚秦三藏法師鳩摩羅什譯

KHAI KINH - SUTRA OPENING VERSE - 開經偈

Namo Bôn Sư Thích Ca Muni Phật (3x)
Namo Guru Shakyamuni Buddha (3x)
南無本師釋迦牟尼佛 (三稱)



Pháp, vô cùng sâu sắc và tinh tế,
Ít khi gặp dù trong một triệu a-tăng kỳ-kiếp.
Giờ đây, chúng ta có thể nghe, học và thực hành theo,
Cầu mong chúng ta nhận thức được đầy đủ ý nghĩa chân thật của
chư Như Lai.

The Dharma, infinitely profound and subtle,
Is rarely encountered even in a million kalpas.
Now we are able to hear, study, and follow it,
May we fully realize the Tathagata's true meaning.

無上甚深微妙法 • 百千萬劫難遭遇我今見聞得受
持 • 願解如來真實義

1. NHÂN DUYÊN PHÁP HỘI, CONVOCATION OF THE ASSEMBLY, 法 會因由分第

Ta nghe như vậy: Một thuở nọ, đức Phật ở trong vườn Anathapindada (Kỳ-Thọ), tỉnh Jeta (Cấp-Cô-Độc), tại nước Shravasti (Xá-Vệ), cùng với chúng đại Tỳ-kheo, một nghìn hai trăm năm mươi người câu-hội. Lúc đó, gần đến giờ ăn, đức Thế-Tôn đắp y, cầm bát, vào thành lớn Shravasti (Xá-Vệ) mà khát thực. Trong thành ấy, đức Phật theo thứ tự, ghé từng nhà, khát-thực xong trở về Tịnh-Xá, dùng cơm, rồi cất y-bát, sau khi rửa chân xong, đức Phật trải tòa mà ngồi.

Thus I have heard. Once, the Buddha was staying in the Anathapindada's Park at Jeta Grove in Shravasti, with a community of 1,250 bhiksus. When it was mealtime, the World Honored One put on his robe, took his alms-bowl, and went into the great city of Shravasti, going from house to house to beg for food. This done, he returned to his abiding place, finished the meal, put away his robe and bowl, washed his feet, arranged his seat, and sat down.

如是我聞 • 一時佛在舍衛國 • 祇樹給孤獨園 • 與大比丘眾 • 千二百五十人俱 • 爾時世尊食時 • 著衣持鉢 • 入舍衛大城乞食 • 於其城中 • 次第乞已 • 還至本處 • 飯食訖 • 收衣鉢 • 洗足已 • 敷座而

2. THIỆN HIỆN KHỞI THỈNH PHÁP, SUBHUTI REQUESTS THE TEACHING, 善現啟請分第二

Bấy giờ, ông Trưởng-Lão Subhuti Tu-Bồ-Đề, ở trong đại-chúng, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trệch áo bên vai phải, gối bên phải quỳ sát đất, cung kính chấp tay, mà bạch cùng đức Phật rằng:

"Hi hữu thay, đức Thế-Tôn! Đức Như-Lai Tathagata khéo hay quan tâm, bảo hộ các vị Bồ-tát, và khéo chỉ dẫn cho các vị Bồ-tát!

Bạch đức Thế-Tôn! Thiện-nam, thiện-nữ phát Tâm Vô-thượng Chánh-đẳng Chánh-giác (anuttara-samyak-sambodhi) thì phải trụ tâm như thế nào, nên hàng-phục tư tưởng mình như thế nào?"

Đức Phật dạy: "Hay thay! Hay thay! Này Subhuti! Đúng như lời của ông vừa nói, đức Như-Lai *khéo hay quan tâm, bảo hộ các vị Bồ-tát, và khéo chỉ dẫn cho các vị Bồ-tát.*

"Nay ông nên lắng nghe, Ta sẽ vì ông mà nói. Thiện-nam, thiện-nữ, phát Tâm Vô-thượng Chánh-đẳng Chánh-giác, phải trụ tâm như thế này, phải hàng-phục tâm mình như thế này"...

"Vâng, bạch đức Thế-Tôn! Con xin vui thích muốn nghe."

Then, the elder Subhuti in the assembly arose from his seat, bared his right shoulder, knelt on his right knee with his palms joined, and respectfully addressed the Buddha: "How remarkable, World Honored One, that the Tathagata is ever-mindful of bodhisattvas, protecting and instructing them well! World Honored One, when good men and good women resolve to attain unsurpassed complete enlightenment (anuttara-samyak-sambodhi), how should they abide their mind, and how should they subdue their thoughts?"

The Buddha said, "Excellent! Excellent! Subhuti, it is as you have said. The Tathagata is ever-mindful of bodhisattvas, protecting and instructing them well. Now listen attentively, and I shall explain it for you: Good men and good women who resolve to attain unsurpassed complete enlightenment should thus abide and subdue their thoughts."

The Venerable Subhuti said: "Yes, World Honored One. We are listening with great anticipation."

時長老須菩提 • 在大眾中 • 即從座起 • 偏袒右肩 • 右膝著地 • 合掌恭敬 • 而白佛言 • 希有世尊 • 如來善護念諸菩薩 • 善付囑諸善男子 • 善女人 • 發阿耨多羅三藐三菩提心 • 云何應住 • 云

何降伏其心・佛言・善哉善哉・須菩提・如汝所說・如來善護念諸
菩薩・善付囑諸菩薩・汝今諦聽・當為汝說・善男子善女人・發阿
耨多羅三藐三菩提心・應如是住・如是降伏其心・唯然・世尊・願
樂欲聞・



3. CHÍNH TÔNG ĐẠI THỪA - BỒ TÁT GIỚI THE BODHISATTVA VOWS, 大乘正宗分 第三

Đức Phật bảo ngài Subhuti:

"Các vị đại Bồ-tát phải hàng-phục tâm mình như thế này: bao nhiêu những loài chúng-sanh, hoặc là loài noãn-sanh, hoặc loài thai-sanh, hoặc loài ẩm-thấp-sanh, hoặc loài hóa-sanh, hoặc loài có hình-sắc, hoặc loài không-hình-sắc, hoặc loài có-tư-tướng, hoặc loài không-tư-tướng, hoặc loài chẳng-phải-có-tư-tướng, mà cũng chẳng-phải-không-tư-tướng, thì Ta đều làm cho được diệt-độ, và đưa tất cả vào nơi vô-dư niết-bàn.

Diệt-độ vô-lượng, vô-số, vô-biên chúng-sanh như thế, mà thật không có chúng-sanh nào là kẻ được diệt-độ cả. Tại sao vậy?

Này, Subhuti! Nếu vị Bồ-tát còn có tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng-sanh, tướng thọ-giả (chúng-sanh có thọ mạng), thì chẳng phải là Bồ-tát.

(English p. 18)

The Buddha said to Subhuti: “The bodhisattvas and mahasattvas should thus subdue their thoughts: All the different types of sentient beings, whether they are born from eggs, from wombs, from moisture, or by transformation; whether or not they have form; whether they have thoughts or no thoughts, or have neither thought nor non-thought, I will liberate them by leading them to nirvana without residue. When immeasurable, countless, infinite numbers of sentient beings have been liberated, in reality, no sentient beings have been liberated. Why is this so? Subhuti, if bodhisattvas abide in the notions of a self, a person, a sentient being, or a life span, they are not bodhisattvas.”

佛告須菩提 • 諸菩薩摩訶薩 • 應如是降伏其心 • 所有 一切眾生之
• 若卵生 • 若胎生 • 若濕生 • 若化生 • 若有色 • 若無色 • 若有想 • 若
無想 • 若非有想非無 想 • 我皆令入無餘涅槃而滅度之 • 如是滅度無
量無數 無邊眾生 • 實無眾生得滅度者 • 何以故 • 須菩提 • 若 菩薩有
我相 • 人相 • 眾生相 • 壽者相 • 即非菩薩 •

4. DIỆU HẠNH VÔ TRỤ - BỐ THÍ KHÔNG BẮM CHẤP, UNATTACHED PRACTICE OF CHARITY, 妙行無住分第四

Subhuti! Lại nữa, vị Bồ-tát, đúng nơi pháp, phải nên không có chỗ trụ mà làm việc bố-thí. Nghĩa là không trụ vào hình sắc mà bố-thí, không trụ vào thanh, hương, vị, xúc, pháp, mà bố-thí. Nay, Subhuti! Vị Bồ-tát phải nên bố-thí như thế, chẳng trụ vào tướng. Tại vì sao? Vì nếu vị Bồ-tát, không trụ- vào tướng mà bố-thí, thì phước-đức nhiều không thể suy lường.

Subhuti! Ý của ông thế nào? Có thể suy-lường được cõi hư-không ở phương đông chăng?"

"Bạch đức Thế-Tôn, không thể suy-lường được."

"Subhuti! Có thể suy-lường được cõi hư-không ở phương nam, tây, bắc, cõi hư-không ở bốn hướng cạnh, và cõi hư-không ở trên, dưới, chăng?"

"Bạch đức Thế-Tôn! Không thể suy-lường được."

" Subhuti! Vị Bồ-tát chỉ phải nên đúng như lời Ta đã dạy đó mà trụ.

Subhuti! Vị Bồ-tát không trụ-vào tướng mà bố-thí, thì phước-đức cũng lại như thế, không thể suy-lường được. Bồ-tát chỉ nên theo lời dạy như vậy.

"Furthermore, Subhuti, in the practice of charity, bodhisattvas should abide in nothing whatsoever. That is, to practice charity without attachment to form, sound, smell, taste, touch, or dharmas. Subhuti, bodhisattvas should practice charity this way, without attachment to anything. Why? If bodhisattvas practice charity without attachment, their merits are immeasurable. Subhuti, what do you think? Is the space in the eastern direction measurable?"
"No, World Honored One, it is immeasurable."

"Subhuti, is any of the space above or below, in the four cardinal directions, or in the four intermediate directions measurable?"
"They are immeasurable, World Honored One."

"Subhuti, the merits attained by bodhisattvas who practice charity without attachment are also immeasurable like space. Subhuti, bodhisattvas should abide in this teaching."

復次須菩提・菩薩於法・應無所住・行於布施・所謂不住色布施・
不住聲香味觸法布施・須菩提・菩薩應如是布施・不住於相・何以
故・若菩薩不住相布施・其福德不可思量・須菩提・於意云何・東
方虛空可思 量不・不也・世尊・須菩提・南西北方・四維上下虛空

• 可思量不 • 不也 • 世尊 • 須菩提 • 菩薩無住相布施 • 福德亦復如是不可思量 • 須菩提 • 菩薩但應如所教住

5. NHƯ LÝ THỰC KIẾN - THUỘC TÍNH VẬT LÝ CỦA PHẬT QUẢ, PHYSICAL ATTRIBUTES OF BUDDHAHOOD 如理實見 分第五

Subhuti! Ý của ông thế nào? Có thể do nơi thân tướng mà thấy Như-Lai chăng?"

"Bạch đức Thế-Tôn! Không thể do nơi thân tướng mà thấy được Như-Lai. Bởi vì sao? Vì đức Như-Lai nói thân-tướng đó chính là chẳng phải thân-tướng."

Đức Phật bảo ông Subhuti: " Phàm tất cả các tướng đều là hư-vọng cả! Nếu nhận thấy các tướng đều là không phải tướng, chính là thấy Như-Lai".

(English p. 17)

"Subhuti, what do you think? Can one recognize the Tathagata by means of his physical appearance?"

"No, World Honored One. One cannot recognize the Tathagata by his physical appearance. Why not? The Tathagata teaches that physical appearances are actually not physical appearances."

The Buddha said to Subhuti: "All appearances are illusory. To see that appearances are not appearances is to see the Tathagata."

須菩提 • 於意云何 • 可以身相見如來不 • 不也 • 世尊 • 不可以身相得見如來 • 何以故 • 如來所說身相 • 即非身相 • 佛告須菩提 • 凡所有相 • 皆是虛妄 • 若見諸相非相 • 即見如來 •

6. CHÁNH TÍN HIỂM CÓ - CÔNG ĐỨC CỦA TÍN TÂM, THE MERIT OF TRUE FAITH 正 信希有分第六

Ông Subhuti bạch cùng đức Phật rằng: "Bạch đức Thế-Tôn! Sẽ có chúng-sanh nào được nghe những câu trong bài giảng-giải như vậy, mà sanh lòng tin là thật chẳng?"

Đức Phật bảo ông Subhuti:

"Ông chớ nói lời ấy! Sau khi đức Như-Lai diệt-độ, năm trăm năm sau, có người trì-giới, tu phước, có thể sanh lòng tin nơi những câu trong bài này mà cho đó là thật, thì phải biết rằng người ấy chẳng phải chỉ vun trồng thiện căn từ nơi một đức Phật, hai đức Phật, ba, bốn, năm đức Phật, mà người đó đã vun-trồng thiện căn từ nơi vô-lượng nghìn muôn đức Phật rồi.

Như có ai nghe những câu trong bài này sanh lòng tin trong sạch đến chừng trong khoảng một niệm. Subhuti! Đức Như-Lai đều thấy, đều biết, những chúng-sanh đó đặng phước-đức vô-lượng dường ấy. Tại vì sao?

Vì những chúng-sanh đó không còn có tướng ngã (sa. Ātman, tự-ngã, bản ngã),
không có tướng nhân (sa. pudgala, bổ-đặc-già-la, "cá nhân", "sĩ phu"),
không có tướng chúng-sanh (sa. sattva),
không có tướng thọ-giả (sa. jīva, thọ mệnh giả, chúng sanh có thọ mạng),
không có tướng pháp,
cũng không có tướng phi-pháp.

Tại vì sao? Vì những chúng-sanh đó, nếu trong lòng chấp tướng, thì chính là chấp ngã, chấp nhân, chấp chúng-sanh, chấp thọ-giả (chúng-sanh có thọ mạng).

Nếu chấp tướng pháp, thì chính là chấp ngã, chấp nhân, chấp chúng-sanh, chấp thọ-giả, và vì nếu chấp tướng phi-pháp, thì cũng chính là chấp ngã, nhân, chúng-sanh, thọ-giả, vì thế cho nên, chẳng nên chấp pháp, và cũng chẳng nên chấp phi-pháp (non-dharma).

Cũng bởi nghĩa đó, Như-Lai thường dạy rằng: "Này, các Tỳ-kheo, các ông phải biết rằng, pháp của Ta nói ra đó, dù cũng như thuyền bè, đến pháp còn phải xả bỏ, huống hồ là phi-pháp!"



(English p. 17)

Subhuti addressed the Buddha, "World Honored One, will there be any sentient beings who give rise to true faith upon hearing this teaching?"

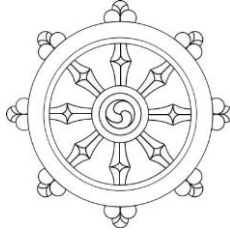
The Buddha said to Subhuti, "Do not even say such a thing. After my passing, in the last five hundred years [of the Dharma ending age], there will be those who observe the precepts and cultivate merit, who have faith that these are words of truth. You should know that these people have not merely cultivated the roots of virtue with one buddha, two buddhas, three, four, or five buddhas; they have cultivated all kinds of virtuous roots with hundreds of thousands, even countless numbers of buddhas.

Upon hearing these passages, Subhuti, some will, in an instant, give rise to pure faith. The Tathagata fully knows and fully sees these beings as they attain such countless merits. Why? It is because these sentient beings are free from the notions of a self, a person, a sentient being, or a life span. They are also free from the notions of dharmas or non-dharmas.

“Why? If the minds of these sentient beings cherish these notions, then they will cling to a self, a person, a sentient being, and a life span. If they cherish the notion of dharmas, they will cling to a self, a person, a sentient being, and a life span. Why? If they cherish the notion of non-dharmas, they will cling to a self, a person, a sentient being, and a life span. Therefore one should not cherish dharmas or non-dharmas. For this reason, the Tathagata often teaches: Bhiksus, know that my Dharma is like a raft. If even the correct teachings (Dharma) should be abandoned, how much more so the incorrect teachings (non-Dharma)?”

須菩提白佛言・世尊・頗有眾生・得聞如是言說章句・生實信不・
佛告須菩提・莫作是說・如來滅後・後五百歲・有持戒修福者・於
此章句・能生信心・以此為實・當知是人・不於一佛二佛三四五佛
而種善根・已於無量千萬佛所・種諸善根・聞是章句・乃至一念生
淨信者・須菩提・如來悉知悉見・是諸眾生・得如是無量福德・何
以故・是諸眾生・無復我相・人相・眾生相・壽者相・無法相・亦
無非法相・何以故・是諸眾生・若心取相・即為著我人眾生壽者・
若取法相・即著我人眾生壽者・何以故・若取非法相
即著我人眾生壽者・是故不應取法・不應取非法・以是義故・如來
常說・汝等比丘・知我說法・如筏喻者・法尚應捨・何況非法

7. KHÔNG ĐẮC, KHÔNG THUYẾT NÓI - NO ATTAINMENT, NO TEACHING, 無得無說分 第七



Subhuti! Ý Ông thế nào? Đức Như-Lai có đắc được quả Vô-thượng Chánh-đẳng Chánh-giác chẳng? Đức Như-Lai có nói pháp chẳng?"

Ông Subhuti bạch rằng: "Như con hiểu ý nghĩa của Phật nói, thì không có pháp nhất định nào gọi là Vô-thượng Chánh-đẳng Chánh-giác (anuttara-samyak-sambodhi), cũng không có pháp nhất định nào mà đức Như-Lai có thể nói được. Bởi vì sao?"

Vì pháp của đức Như-Lai nói, đều không thể bắt nắm giữ, không thể diễn tả được. Chẳng phải pháp, chẳng phải "không-phải-pháp". Tại vì sao? Vì tất cả Hiền-thánh, đều do nơi pháp vô-vi mà có khác biệt".

(English p. 19)

"Subhuti, what do you think? Has the Tathagata attained unsurpassed complete enlightenment? And does he explain the Dharma?"

Subhuti said: "As I understand the meaning of what the Buddha has said, there is no fixed teaching called unsurpassed complete enlightenment. And there is also no fixed teaching that the Tathagata can convey. Why? The Dharma explained by the Tathagata cannot be grasped or explained. They are neither Dharmas nor non-Dharmas. How is this so? It is because all the saints and sages are distinguished by the Unconditioned Dharma."

須菩提 • 於意云何 • 如來得阿耨多羅三藐三菩提耶 • 如來有所說法耶 • 須菩提言 • 如我解佛所說義 • 無有 定法 • 名阿耨多羅三藐三菩提 • 亦無有定法 • 如來可 說 • 何以故 • 如來所說法 • 皆不可 • 不可說 • 非 法 • 非非法 • 所以者何 • 一切賢聖 • 皆以無為法而有差別



8. Y PHÁP XUẤT SINH - THEO PHÁP MÀ SINH, REAL MERIT HAS NO MERIT 依法 出生分第八

"Subhuti! Ý Ông thế nào? Như có người đem bảy thứ châu báu, đầy cả cõi tam-thiên, đại-thiên, để bố thí, phước-đức của người đó được có nhiều hay chăng?"

Subhuti bạch rằng: "Bạch đức Thế-Tôn, rất nhiều! Tại làm sao? Vì phước-đức đó, chính là không phải phước-đức thật, cho nên đức Như-Lai nói là nhiều phước-đức".

"Còn như có người, hiểu và thọ trì theo dù một bài kệ bốn câu trong kinh này v.v.. mới đến giảng nói lại cho người khác, thì công-đức này nhiều hơn công-đức trước. Bởi vì sao?

Subhuti! Tất cả các đức Phật, và tất cả các pháp chư Phật giảng về Vô-thượng Chánh-đẳng Chánh-giác của các đức Phật, đều từ kinh này mà có ra.

Này Subhuti! Phật-pháp nói đó chính chẳng phải là Phật-pháp, mà gọi là Phật Pháp.

(English p. 20)

"Subhuti, what do you think? If a person fills a trichiliocosm with the seven jewels and gives them away in charity, wouldn't the merit attained by this person be great?"

Subhuti said, "Extremely great, World Honored One. Why? The nature of merit is empty; therefore the Tathagata says that this merit is great."

The Buddha said: "But if a person comprehends and follows even a four-line verse of this sutra, and teaches it to others, this person's merit would exceed that of the former example. Why? Subhuti, all buddhas and all of their teachings on unsurpassed complete enlightenment originate from this sutra. Subhuti, that which is called the Buddha Dharma is not the Buddha Dharma; therefore it is called the Buddha Dharma."

須菩提・於意云何・若人滿三千大千世界七寶・以用布施・是人所得福德・寧為多不・須菩提言・甚多・世尊・何以故・是福德・即非福德性・是故如來說福德多・若復有人・於此經中・受持乃至四句偈等・為他人說・其福勝彼・何以故・須菩提・一切諸佛・及諸佛阿耨多羅三藐三菩提法・皆從此經出・須菩提・所謂佛法者・即非佛法・是名佛法

9. TƯỚNG VÔ TƯỚNG CỦA ALAHÁN - BỐN GIAI TRÌNH CỦA A LA HÁN, THE FOUR STAGES OF AN ARHAT 相無相分第九

"Subhuti! Vị Tu-Đà-Hoàn (*srotapanna*) có thể tự nghĩ là mình đắc được quả Tu-Đà-Hoàn chăng?"

Ông Subhuti bạch rằng: "Bạch đức Thế-Tôn, không thể được! Bởi vì sao? Vì vị Tu-Đà-Hoàn, gọi là bậc Nhập-Lưu (*'stream-enterer'*), và chính không có gì để nhập vào; một người chẳng nhập vào sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, được gọi là Tu-Đà-Hoàn".

"Subhuti! Ý Ông thế nào? Vị Tư-Đà-Hàm (*sakridagamin*) có thể tự nghĩ rằng mình được quả Tư-Đà-Hàm chăng?"

Ông Subhuti bạch rằng: "Bạch đức Thế-Tôn không thể được! Bởi vì sao? Vì vị Tư-Đà-Hàm gọi là bậc Nhất-Vãng-Lai (*Once-returned*), thật sự không có đi và không có trở lại, đó gọi là Tư-Đà-Hàm".

"Subhuti! Ý Ông thế nào? Vị A-Na-Hàm (*anagamin*) có thể tự nghĩ rằng, mình được quả A-Na-Hàm chăng?"

Ông Subhuti bạch rằng: "Bạch đức Thế-Tôn không thể được! Bởi vì sao? Vì vị A-Na-Hàm gọi là bậc Bất-Lai (*Non-returner*), thật sự không có bất-lai (*no-return*), cho nên gọi là A-Na-Hàm".

"Subhuti! Ý Ông thế nào? Vị A-La-Hán có thể tự nghĩ rằng, mình đắc được đạo A-La-Hán chăng?"

Ông Subhuti bạch rằng: "Bạch đức Thế-Tôn không thể được! Bởi vì sao? Vì thật không có pháp chi gọi là A-La-Hán. Bạch đức Thế-Tôn! Nếu như vị A-La-Hán nghĩ thế này: Ta đắc được đạo (trí huệ) A-La-Hán, thì chính là còn chấp-trước tướng ngã, nhân, chúng-sanh, thọ-giả.

Bạch đức Thế-Tôn! Đức Phật nói rằng con đã thành-tựu "vô-tranh-biện tam-muội" (*samatha of non-contention*) bậc nhất trong mọi người, và là bậc nhất A-La-Hán ly-dục.

Bạch Thế-Tôn! Con không tác niệm rằng con là một A-La-Hán ly-dục.

Bạch đức Thế-Tôn! Nếu con tác niệm rằng mình đã đắc được đạo A-La-Hán, thì đức Thế-Tôn đã chẳng nói rằng Subhuti là người thực hành A-Luyện-Nhã (*aranya, abiding peacefully in non-contention*). Subhuti thực sự không dựa (thực vô sở hành) trên bất cứ thực hành gì cả, do đó Subhuti được gọi là A-Luyện-Nhã.

(English p. 21)

“Subhuti, what do you think? Does a *srotapanna*’ have the thought: ‘I have attained the realization of the *Srotapanna*’?”

Subhuti said, “No, World Honored One. Why not? Because ‘*srotapanna*’ means ‘stream-enterer’, and there is in fact nothing to enter; one who does not enter into form, sound, smell, taste, touch, or dharmas is called a *srotapanna*.”

“Subhuti, what do you think? Does a *sakridagamin* have the thought, ‘I have attained the realization of the *sakridagamin*’?”

Subhuti said: “No, World Honored One. Why not? Although ‘*sakridagamin*’ means to go and come one more time, there is, in reality, no going and no coming. Therefore he is called a *sakridagamin*.”

“Subhuti, what do you think? Does an *anagamin* have the thought, ‘I have attained the realization of the *anagamin*’?”

Subhuti said, “No, World Honored One. Why not? ‘*anagamin*’ means non-returning [to the human world], but there is, in fact, no such thing as non-returning. Therefore he is called an *anagamin*.”

“Subhuti, what do you think? Does an *arhat* have the thought, ‘I have attained the realization of the *arhat*’?”

Subhuti said, “No, World Honored One. Why not? There is, in reality, no such a thing called ‘*arhat*.’ World Honored One, if an *arhat* should give rise to the thought, ‘I have attained the realization of the *arhat*’, this means that he is attached to the notions of a self, a person, a sentient being, or a life span.

“World Honored One, you have said that of all people I am the foremost in attaining the samadhi of non-contention, and the foremost arhat in being free from desires. But I do not have the thought that I am an arhat who is free from desires.

World Honored One, if I give rise to the thought that I have attained arhatship, then you would not have said that Subhuti practices aranya—abiding peacefully in non-contention. In reality, Subhuti abides in nothing at all, therefore Subhuti is called one who abides peacefully in non-contention.”

須菩提 • 於意云何 • 須陀洹能作是念 • 我得須陀洹果 不 • 須菩提
• 不也 • 世尊 • 何以故 • 須陀洹名為入 流 • 而無所入 • 不入色聲香
味觸法 • 是名須陀洹 • 須菩提 • 於意云何 • 斯陀含能作是念

• 我得斯陀含 果不 • 須菩提言 • 不也 • 世尊 • 何以故 • 斯陀含名一
往來 • 而實無往來 • 是名斯陀含 • 須菩提 • 於意云 何 • 阿那含能作
是念 • 我得阿那含果不 • 須菩提言 • 不也 • 世尊 • 何以故 • 阿那含
名為不來 • 而實無不 來 • 是故名阿那含 • 須菩提 • 於意云何 • 阿羅
漢能作是念 • 我得阿羅漢 道不 • 須菩提言 • 不也 • 世尊

• 何以故 • 實無有法 • 名阿羅漢 • 世尊 • 若阿羅漢作是念 • 我得阿
羅漢道 • 即為著我人眾生壽者 • 世尊 • 佛說我得無諍三昧 • 人 中最
為第一 • 是第一離欲阿羅漢 • 世尊 • 我不作是 念 • 我是離欲阿羅漢
• 世尊 • 我若作是念 • 我得阿羅 漢道 • 世尊則不說須菩提 • 是樂阿
蘭那行者 • 以須菩 提實無所行 • 而名須菩提 • 是樂阿蘭那

10. TRANG NGHIỆM TỊNH THỔ - CHUYỂN SANG CỖ PHẬT, TRANSFORMATION TO A BUDDHA WORLD, 莊嚴淨土分第十

Đức Phật bảo ông Subhuti: "Ý Ông thế nào? Thuở
xưa, khi Như-Lai học với đức Phật Dipankara
Nhiên-Đăng, đức Như-Lai có thọ nhận pháp nào
chẳng?"

"Bạch đức Thế-Tôn! Không. Khi Như-Lai học với đức Phật Dipankara Nhiên-Đăng, đức Như-Lai thật sự không có thọ nhận pháp nào."

"Này, Subhuti! Ý Ông thế nào? Bồ-tát có trang-nghiêm Phật thổ chăng?"

"Bạch đức Thế-Tôn! Không, tại vì sao? Vì trang-nghiêm Phật-thổ đó, chính chẳng phải trang-nghiêm, đó gọi là trang-nghiêm."

"Vì thế, Subhuti! các vị Bồ-tát đại Bồ-tát, phải sanh tâm thanh-tịnh không trụ vào sắc, thanh, hương, vị, xúc, và các pháp. Tri thức nên hành động mà không bị các trụ vào.

Này, Subhuti! Ví như có người, thân như núi Tu-Di, Ý ông thế nào? Thân của người đó có lớn chăng?"

Ông Subhuti bạch rằng: "Bạch đức Thế-Tôn! Rất lớn. Bởi vì sao? Vì đức Phật dạy thân chẳng phải là thân, do đó mới được gọi là thân lớn."

(English p. 23)

The Buddha said to Subhuti, "What do you think? When the Tathagata studied under Dipankara Buddha, did he receive any Dharma?"

"No, World Honored One, when the Tathagata studied under Dipankara Buddha, he did not receive any Dharma."

"Subhuti, what do you think? Does a bodhisattva transform a world into a Buddha world?"

“No, he does not, World Honored One. Why not? One who transforms the world does not transform the world; that is to transform the world.”

“And so, Subhuti, bodhisattvas and mahasattvas should give rise to a pure mind that is not attached to form, sound, smell, taste, touch, or dharmas. The mind should act without any attachments.

Subhuti, if there were a person with a body the size of Mt. Sumeru, what do you think? Wouldn't this body be huge?”

“Extremely huge, World Honored One. Why? The Buddha teaches us that a body is not a body, hence it is called a huge body.”

佛告須菩提 • 於意云何 • 如來昔在然燈佛所 • 於法有 所得不 • 不
也 • 世尊 • 如來在然燈佛所 • 於法實無所 得 • 須菩提 • 於意云何 •
菩薩莊嚴佛土不 • 不也 • 世尊 • 何以故 • 莊嚴佛土者 • 即非莊嚴 •
是名莊嚴 • 是 故須菩提 • 諸菩薩摩訶薩 • 應如是生清淨心 • 不應住
色生心 • 不應住聲香味觸法生心 • 應無所住而生其 心 • 須菩提
• 譬如有人 • 身如須彌山王 • 於意云何 • 是身為大不 • 須菩提言 •
甚大 • 世尊 • 何以故 • 佛說 非身 • 是名大身 •



11. PHÚC THẮNG NGHĨA ĐẾ VÔ VI - CÔNG ĐỨC CỦA KINH, MERITS OF THIS SUTRA, 無為福勝分第十一

"Subhuti! Như trong một sông Hằng có bao nhiêu số cát, lại có những sông Hằng nhiều như số cát đó. Ý Ông thế nào? Số cát trong những sông-Hằng đó, chừng có nhiều chăng?"

Ông Subhuti bạch rằng: "Bạch đức Thế-Tôn! Rất nhiều. Nội những sông-Hằng đã là nhiều vô-số rồi, huống nữa là số cát trong sông!"

"Này, Subhuti! Nay Ta nói thật mà bảo ông: Nếu có thiện nam, thiện nữ nào đem bảy thứ báu đầy cả ngàn ấy Hằng-hà sa-số côi Tam-thiên đại-thiên để làm việc bố-thí, người đó đặng phước có nhiều không?"

Ông Subhuti bạch rằng: "Bạch đức Thế-Tôn! Rất nhiều."

Đức Phật bảo ông Subhuti: "Nơi trong kinh này, nếu có thiện-nam, thiện-nữ nào, thọ-trì đến một bài kệ bốn câu v.v... và giảng nói cho người khác nghe, thì phước-đức này hơn phước-đức trước kia."

(English p. 24)

"Subhuti, what do you think? If there were as many Ganges Rivers as the grains of sand in the Ganges, wouldn't the amount of sand contained in all those Ganges Rivers be great?"

Subhuti said, “Extremely great, World Honored One. If even the number of the Ganges Rivers is innumerable, how much more so their grains of sand?”

“Subhuti, now I tell you truthfully: If a good man or good woman fills as many trichiliocosms as the grains of sand in all those Ganges Rivers with the seven jewels, and gives them away in charity, wouldn’t this merit be great?”

“Extremely great, World Honored One.”

The Buddha said to Subhuti: “If a good man or good woman is able to comprehend and follow a four-line verse of this sutra and teach it to others, their merit will be far greater.”

須菩提・如恆河中所有沙數・如是沙等恆河・於意云何・是諸恆河沙・寧為多不・須菩提言・甚多・世尊・但諸恆河・尚多無數・何況其沙・須菩提・我今實言告汝・若有善男子善女人・以七寶滿爾所恆河沙數三千大千世界・以用布施・得福多不・須菩提言・甚多・世尊・佛告須菩提・若善男子善女人・於此經中・乃至受持四句偈等・為他人說・而此福德・勝前福德・

12. TÔN TRỌNG CHÍNH GIÁO, CÔNG ĐỨC LẠ THƯỜNG NHẤT, THE MOST EXTRAORDINARY MERIT, 尊重正教分第十二

Này Subhuti! Lại nữa, tùy chỗ nào giảng nói kinh này, đến một bài kệ bốn câu v.v... phải biết chỗ đó, tất cả Trời, Người, A-tu-La... trong đời, đều nên cúng-dường như là tháp miếu thờ đức Phật. Huống

nữa là, có người nào hay thọ-trì, đọc-tụng, trọn cả kinh này!

Này Subhuti! Phải biết người ấy thành-tựu pháp tối-thượng, hy-hữu bậc nhất.

Còn nếu kinh điển này ở tại chỗ nào, thì chỗ đó chính là có đức Phật, hoặc có hàng tôn-trọng Đệ-tử của Phật."

(English p. 25)

"Furthermore, Subhuti, wherever one teaches or recites so much as a four-line verse of this sutra, that place should be venerated as a Buddha-shrine by heavenly beings, human beings, and asuras in this world. How much more so is the case where one can completely remember, comprehend, and follow this sutra! Subhuti, you should know that such a person has achieved the highest, rarest of accomplishments. Wherever this sutra is present, it is as if the Buddha and the Buddha's revered disciples were also present."

復次須菩提 • 隨說是經 • 乃至四句偈等 • 當知此處 • 一切世間天人阿修羅 • 皆應供養 • 如佛塔廟 • 何況有人 • 盡能受持讀誦 • 須菩提 • 當知是人 • 成就最上第一希有之法 • 若是經典所在之處 • 即為有佛 • 若尊重弟子

13. NHƯ PHÁP THỌ TRÌ, NAMING OF THE SUTRA, 如法受持分第十三

Bấy giờ, ông Subhuti bạch đức Phật rằng: "Bạch đức Thế-Tôn! Tên gọi kinh này là gì? Chúng con phải phụng-trì thế nào?"

Đức Phật bảo ông Subhuti rằng: "Kính này tên là Kim-Cang Trí Huệ Toàn Hảo Bát-Nhã Ba-La-Mật, ông nên theo danh-tự ấy mà phụng-trì. Bởi vì sao?"

Này Subhuti, đức Phật nói Trí Huệ Toàn Hảo Bát-nhã Ba-la-mật, chính chẳng phải Trí Huệ Toàn Hảo Bát-nhã ba-la-mật, đó gọi là Trí Huệ Toàn Hảo Bát-nhã Ba-la-mật.

Subhuti! Ý Ông thế nào? Như-Lai có chỗ nào nói pháp chẳng?"

Ông Subhuti bạch Phật rằng: "Bạch đức Thế-Tôn! Đức Như-Lai không có chỗ nào nói pháp".

"Subhuti! Ý Ông thế nào? Bao nhiêu vi-trần (đơn vị siêu nhỏ bé, tiny particle) trong cõi tam-thiên, đại-thiên, thế là nhiều chẳng?"

Ông Subhuti bạch rằng: "Bạch đức Thế-Tôn! Rất nhiều".

"Này Subhuti! Những vi-trần ấy, đức Như-Lai nói chẳng phải vi-trần, đó gọi là vi-trần.

Đức Như-Lai nói thế-giới cũng chẳng phải thế-giới, chỉ gọi là thế-giới.

Này Subhuti! Ý Ông thế nào? Có thể do ba-mươi-hai tướng mà thấy Như-Lai chẳng?"

"Bạch đức Thế-Tôn! Không.- Chẳng có thể do ba-mươi-hai tướng mà thấy được Như-Lai. Bởi vì sao? Đức Như-Lai nói ba-mươi-hai tướng chính chẳng phải tướng, đó chỉ gọi tên là ba-mươi-hai tướng."

"Subhuti! Như có thiện-nam, thiện-nữ nào, đem thân-mạng bằng số cát sông Hằng ra bố-thí. Nếu lại có người giữ theo trong kinh này, mà thọ-trì dù chỉ những bài kệ bốn câu v.v..., mà giảng nói cho người khác nghe, thì phước của người này nhiều hơn người trên."

(English p. 25)

Then Subhuti addressed the Buddha, "World Honored One, what should we call this sutra, and how should we uphold it?"

The Buddha said to Subhuti: "This sutra is called the Diamond of Perfect Wisdom. You should revere this title and practice the sutra accordingly. Why? Subhuti, the Buddha teaches that '*prajna paramita*' (perfection of wisdom) is not *prajna paramita*. Therefore it is called *prajna paramita*. Subhuti, what do you think? Does the Tathagata have any Dharma to teach?"

Subhuti said to the Buddha, "World Honored One, the Tathagata has nothing to teach."

"Subhuti, what do you think? Are all the tiny particles contained in this trichiliocosm great in number?"

Subhuti said, "Extremely great, World Honored One."

"Subhuti, the Tathagata teaches that tiny particles are not tiny particles. Therefore they are called tiny particles. The Tathagata teaches that worlds are not worlds. Therefore they are called worlds. Subhuti, what do you think? Can the Tathagata be recognized by means of his thirty-two physical attributes?"

“No, he cannot, World Honored One. One cannot recognize the Tathagata by means of his thirty-two physical attributes. Why not? Because the Tathagata teaches that the thirty-two physical attributes are in fact not real attributes. Therefore they are called the thirty- two physical attributes.”

“Subhuti, if a good man or good woman dedicates lifetimes as numerous as the grains of sand in the Ganges River to charitable acts, and another comprehends and follows even a four-line verse of this sutra and taught it to others, the merits gained by the latter would far exceed that of the former.”

爾時須菩提白佛言・世尊・當何名此經・我等云何奉持・佛告須菩提・是經名為金剛般若波羅蜜・以是名字・汝當奉持・所以者何・須菩提・佛說般若波羅蜜・即非般若波羅蜜・是名般若波羅蜜・須菩提・於意云何・如來有所說法不・須菩提白佛言・世尊・如來無所說・須菩提・於意云何・三千大千世界・所有微塵・是為多不・須菩提言・甚多・世尊・須菩提・諸微塵・如來說非微塵・是名微塵・如來說世界・非世界・是名世界・須菩提・於意云何・可以三十二相見如來不・不也・世尊・不可以三十二相得見如來・何以故・如來說三十二相・即是非相・是名三十二相・須菩提・若有善男子善女人・以恆河沙等身命布施・若復有人・於此經中・乃至受持四句偈等・為他人說・其福甚多



14. LY TƯỞNG TỊNH DIỆT, A MIND WITHOUT ATTACHMENTS, 離相寂滅分第十四

Bấy giờ, ông Subhuti nghe đức Phật nói kinh này, thì ông hiểu thấu nghĩa lý thâm sâu của kinh, nên ông cảm động khóc, rơi nước mắt mà bạch với đức Phật rằng:

"Hi-hữu thay, đức Thế-Tôn! Đức Phật nói kinh điển rất sâu xa dường ấy, từ ngày trước khi đạt được huệ-nhãn đến nay, con chưa từng được nghe kinh điển như thế này.

"Bạch đức Thế-Tôn! Nếu lại có người được nghe kinh này, mà có lòng tin thanh-tịnh, thì chính là sanh thực-tướng. Phải biết người ấy thành-tựu công-đức hi-hữu bậc nhất.

Bạch đức Thế-Tôn! Thực-tướng đó chính chẳng phải thực-tướng, cho nên đức Như-Lai gọi là thực tướng.

Bạch đức Thế-Tôn! Nay con được nghe kinh-điển như thế này, con tin hiểu, thọ trì, cũng chẳng phải là chuyện khó làm.

Nếu khoảng năm-trăm năm về sau ở đời tương-lai, mà có chúng-sanh nào được nghe kinh này, rồi tin hiểu thọ-trì, thì người ấy chính là hi-hữu bậc nhất. Bởi vì sao? Người ấy không có tướng ngã, không có tướng nhân, không có tướng chúng-sanh, không có tướng thọ-giả.

Vì sao thế? Vì tướng ngã chính là không phải tướng, tướng nhân, tướng chúng-sanh, tướng thọ-giả, chính là không phải tướng! Bởi vì sao? Vì rời là tất cả tướng, chính đó gọi là chư Phật".

Đức Phật bảo ông Subhuti: "Đúng thế! Đúng thế! Lại như có người được nghe kinh này mà lòng không kinh-hãi, không e sợ, không nhút-nhát, thì phải biết, người đó rất là hi-hữu. Bởi vì sao?

Này Subhuti! Như-Lai nói môn Ba-la-mật thứ nhất chính chẳng phải môn Ba-la-mật thứ nhất, đó gọi là môn Ba-la-mật thứ nhất.

Subhuti! Môn Nhẫn-nhục Ba-la-mật, Như-Lai nói đó chẳng phải Nhẫn-nhục Ba-la-mật, mà gọi là Nhẫn-nhục Ba-la-mật. Bởi vì sao?

Này Subhuti! Như Ta thuở xưa, bị vua Kalinga Ca-Lợi chặt đứt thân thể. Trong lúc đó, Ta không có tướng ngã, không có tướng nhân, không có tướng chúng-sanh, không có tướng thọ-giả (chúng-sanh có thọ mạng). Vì sao vậy? Vì thuở xưa, trong lúc thân phận bị chặt rời rã đó, nếu Ta còn có tướng ngã, tướng

nhân, tướng chúng-sanh, tướng thọ-giả, thì Ta đã khởi lòng hờn-giận.

Này Subhuti! Ta lại nhớ hồi thuở quá-khứ, trong năm trăm đời, Ta làm vị Tiên Nhẫn-nhục (*rishi of tolerance*). Trong bao nhiêu đời đó, Ta không tướng ngã, không tướng nhân, không tướng chúng-sanh, không tướng thọ-giả.

Subhuti! Vì thế nên, Bồ-tát phải rời lìa tất cả tướng, phát Tâm Vô-thượng Chánh-đẳng Chánh-giác. Chẳng nên trụ vào sắc mà phát tâm, chẳng nên trụ vào thanh, hương, vị, xúc, pháp, mà sanh tâm. Nên sanh tâm không trụ vào đâu cả.

Nếu như tâm còn có chỗ để trụ, thì chính là chẳng phải trụ, cho nên đức Phật nói, tâm của Bồ-tát chẳng nên trụ vào sắc mà bố-thí.

Này Subhuti! Bồ-tát vì lợi-ích cho tất cả chúng-sanh, nên phải bố-thí như thế.

Đức Như-Lai nói tất cả các tướng chính là không phải tướng, lại nói tất cả chúng-sanh chính là chẳng phải chúng-sanh.



(English p. 27)

Upon hearing this sermon, Subhuti was moved to tears, having deeply understood its meaning and significance. He said to the Buddha:

“How remarkable, World Honored One! You have taught us such a profound sutra. Even though I have long attained the Wisdom Eye, I have never heard such a teaching before.

World Honored One, if someone who hears this sutra gives rise to pure faith, and thus perceives the true nature of reality, we should know that this person has achieved the most extraordinary virtue.

World Honored One, the true nature of reality is empty. This is what the Tathagata calls the true nature of reality.

“World Honored One, having just heard this sutra, I have no difficulty in believing, comprehending, and following it.

But in the ages to come, in the last five hundred years, if there are sentient beings who hear this sutra, believe, comprehend, and follow it, they will be most remarkable beings. Why? These beings do not abide in the notions of a self, a person, a sentient being, or a life span. Why? Because a self is not a self. The appearances of a person, a sentient being, and a life span are likewise illusory. Why? Those who relinquish all appearances and notions are called buddhas.”

The Buddha said to Subhuti: “So it is, so it is. You should know that if someone who hears the teaching of this sutra is neither shocked, frightened, nor disturbed, this person is extremely rare. And why?

“Subhuti, the Tathagata says that the foremost paramita is not the foremost paramita. Therefore it is called the foremost paramita. Subhuti, the Tathagata teaches that tolerance paramita is not tolerance paramita. Therefore it is called tolerance paramita. Why?

“Subhuti, in a former lifetime my body was mutilated by King Kalinga. At that time, I had no notions of a self, a person, a sentient being, or a life span. Why not? If I had held to the notions of a self, a person, a sentient being, or a life span, when my body was

dismembered limb after limb, I would have given rise to feelings of resentment and hatred.

“Subhuti, I also recall that for five hundred lifetimes I was a *rishi* of tolerance. At that time, I was also free from the notions of a self, a person, a sentient being, or a life span. Therefore, Subhuti, bodhisattvas should relinquish all appearances and notions in their resolve to attain unsurpassed complete enlightenment. They should not give rise to any thought attached to form, sound, smell, taste, touch, or dharma. They should give rise to a mind without any attachments. Any attachment of the mind is errant. Therefore the Buddha says that a bodhisattva should practice charity with a mind unattached to form. Subhuti, to benefit all sentient beings, a bodhisattva should practice charity in this way.

The Tathagata teaches that all appearances and notions are not appearances and notions, and that all sentient beings are not sentient beings.

Này Subhuti! Như-Lai là bậc nói lời chân-chánh, lời chắc-thật, lời đúng-đắn, lời không dối-trá, lời không dối-khác.

Này Subhuti! Pháp của Như-Lai chứng đặng, pháp ấy, không thật, không hư dối.

Này Subhuti! Nếu tâm của Bồ-tát trụ vào pháp mà làm việc bố-thí, thì như người vào chỗ tối-tăm, liền không thấy được gì cả.

Nếu tâm của Bồ-tát, không trụ vào pháp mà làm việc bố-thí, thì như người có mắt sáng, lại có ánh-sáng của mặt-trời chiếu đến liền thấy các thứ hình-sắc.

Này Subhuti! Về đời tương-lai, nếu có thiện-nam, thiện-nữ nào, có thể thọ-trì, đọc tụng kinh này, liền

được đức Như-Lai dùng trí-huệ của Phật, đều biết rõ người ấy, đều thấy rõ người ấy, người ấy sẽ được thành-tựu công-đức vô-lượng, vô-biên.

“Subhuti, what the Tathagata speaks is true, real, and as it is. His words are neither deceptive nor contradictory.

Subhuti, the Truth that the Tathagata has attained is neither real nor unreal.

Subhuti, if a bodhisattva practices charity with attachments, he is like a person in the dark who cannot see anything.

If a bodhisattva practices charity without any attachments, he is like a person under the bright sun with eyes open, seeing all things clearly.

“Subhuti, if in a future time there are good men and women who are able to recite, remember, comprehend, and follow this sutra, the Tathagata, with his Buddha-wisdom, will clearly perceive and recognize each one of them as they all achieve immeasurable and infinite virtues.”

爾時須菩提 • 聞說是經 • 深解義趣 • 涕淚悲泣 • 而白 佛言 • 希有世尊 • 佛說如是甚深經典 • 我從昔來 • 所得慧眼 • 未曾得聞如是

之經 • 世尊 • 若復有人 • 得聞 是經 • 信心清淨 • 即生實相 • 當知是人 • 成就第一希 有功德 • 世尊 • 是實相者 • 即是非相 • 是故如來說名 實相 • 世尊 • 我今得聞如是經典 • 信解受持 • 不足為 難 • 若當來世 • 後五百歲 • 其有眾生 • 得聞是經 • 信 解受持 • 是人即為第一希有 • 何以故 • 此人無我相 • 無人相 • 無眾生相 • 無壽者所以者何 • 我相即是 非相 • 人相 • 眾生相 • 壽者相 • 即是非

相 • 何以故 • 離一切諸相 • 即名諸佛 • 佛告須菩提 • 如是如是 • 若復有人 • 得聞是經 • 不驚 不怖不畏 • 當知是人 • 甚為希有 • 何以故

• 須菩提 • 如來說第一波羅蜜 • 即非第一波羅蜜 • 是名第一波羅蜜
 • 須菩提 • 忍辱波羅蜜 • 如來說非忍辱波羅蜜 • 是名忍辱波羅蜜
 何以故 • 須菩提 • 如我昔為歌利王割截身體 • 我於爾時 • 無我相 •
 無人相 • 無眾生相 • 無壽者相 • 何以故 • 我於往昔節節支解時 • 若
 有我相 • 人相 • 眾生相 • 壽者相 • 應生瞋恨 • 須菩提 • 又念過去於
 五百世 • 作忍辱仙人 • 於爾所世 • 無我相 • 無人相 • 無眾生相 • 無
 壽者相 • 是故須菩提 • 菩薩應離一切相 • 發阿耨多羅三藐三菩提心
 • 不應住色生心 • 不應住聲香味觸法生心 • 應生無所住心 • 若心有
 住 • 即為非住 • 是故佛說菩薩心 • 不應住色布施 • 須菩提 • 菩薩為
 利益一切眾生故 • 應如是布施 • 如來說一切諸相 • 即是非相 • 又說
 一切眾生 • 即非眾生 • 須菩提 • 如來是真語者 • 實語者 • 如語者 • 不
 誑語者 • 不異語者 • 須菩提 • 如來所得法 • 此法無實無虛 • 須菩提
 • 若菩薩心住於法 • 而行布施 • 如人入闇 • 即無所見 • 若菩薩心不住
 法 • 而行布施 • 如人有目 • 日光明照 • 見種種色 • 須菩提 • 當來之
 世 • 若有善男子善女人 • 能於此經受持讀誦 • 即為如來以佛智慧 •
 悉知是人 • 悉見是人 • 皆得成就無量無邊功德 •

15. CÔNG ĐỨC TRÌ KINH - KINH LÀ PHƯƠNG TIỆN CHUYÊN CHỖ TUYỆT ĐỈNH, THE SUTRA IS A SUPREME VEHICLE, 持經功德分第十五

Nay Subhuti! Nếu có thiện-nam, thiện-nữ nào, vào
 khoảng buổi sáng, đem thân-mạng mình nhiều như
 số cát sông Hằng để bố-thí, vào khoảng buổi trưa,
 lại đem thân-mạng bằng số cát sông Hằng để bố-

thí, vào khoảng buổi chiều cũng đem thân-mạng mình nhiều như số cát sông Hằng để bố-thí; trong vô-lượng trăm-ngàn muôn-ức kiếp, đem thân mạng bố-thí như thế.

Lại như có người nào, nghe kinh điển này mà sanh lòng-tin không trái, thì phước của người này, hơn phước của người trước kia, huống chi là biên-chép, thọ-trì, đọc-tụng, nói cho người khác nghe!

Này Subhuti! Tóm tắt mà nói đó, thì kinh này có vô-biên công-đức không thể nghĩ bàn, không thể cân lường được. Đức Như-Lai vì người phát-tâm đại-thừa mà nói, vì người phát-tâm tối-thượng-thừa mà nói.

Như có người nào, có thể thọ-trì, đọc-tụng, giảng nói rộng ra cho người khác nghe, thì đức Như-Lai đều biết rõ người ấy, đều thấy rõ người ấy, và người ấy được thành-tựu công-đức không thể lường được, không thể đo được, không có giới hạn, không thể nghĩ bàn được.

Những người như thế, chính là người gánh vác pháp Vô-thượng Chánh-đẳng Chánh-giác của đức Như-Lai.

Bởi vì sao? Này Subhuti! Vì nếu người nào ham-ưa pháp tiểu-thừa, chấp-trước tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng-sanh, tướng thọ-giả, thì ở nơi kinh này, người ấy không thể nghe-nhận, đọc tụng và giảng-nói cho người khác nghe được.

Này Subhuti! Nếu những nơi-chỗ nào mà có kinh này, thì tất cả Trời, người, A-tu-la..., trong đời đều nên cúng-dường. Phải biết chỗ đó chính là tháp thờ đức Phật, đều phải cung kính lễ lạy, đi nhiễu quanh, đem các món hoa-hương mà rải trên chỗ đó.

(English p. 30)

“Subhuti, if a good man or good woman renounces their life for charity in the morning as many times as there are grains of sand in the Ganges, and does likewise at noon and in the evening, continuing thus for immeasurable hundreds of thousands of millions of kalpas; and if someone else hears this teaching and gives rise to unwavering faith, the merit of the latter would far exceed that of the former. How much more the merit of those who transcribe, recite, remember, follow, and explain this sutra to others!

“In summary, Subhuti, this sutra carries inconceivable, immeasurable, limitless virtue, and the Tathagata teaches it for the benefit of the aspirants of the great vehicle, and the aspirants of the supreme vehicle.

The Tathagata will know and see those, who are able to recite, remember, follow, and widely teach this sutra to others, as achieving innumerable, immeasurable, limitless, and inconceivable virtues.

They carry on the work of the Tathagata in bringing beings to unsurpassed complete enlightenment. Why?

“Subhuti, those who are content with inferior teachings are attached to the views of a self, a person, a sentient being, and a life span. Such people are not able to hear, recite, remember, and explain this sutra to others.

“Subhuti, wherever this sutra is present, all the heavenly and human beings and asuras in all the worlds should come and

make offerings. You should know that its presence is equivalent to a pagoda that all should venerate and pay homage to, by circumambulating or scattering flowers and incense around its grounds.”

須菩提・若有善男子善女人・初日分・以恆河沙等身布施・中日・復以恆河沙等身布施・後日分・亦以恆河沙等身布施・如是無量百千萬億劫・以身布施・若復有人聞此經典・信心不逆・其福勝彼・何況書寫受持讀誦・為人解說・須菩提・以要言之・是經有不可思議・不可稱量・無邊功德・如來為發大乘者說・為發最上乘者說・若有人能受持讀誦・廣為人說・如來悉知是人・悉見是人・皆得成就不可量・不可稱・無有邊・不可思議功德・如是人等・即為荷擔如來阿耨多羅三藐三菩提・何以故・須菩提・若樂小法者・著我見・人見・眾生見・壽者見・即於此經・不能聽受讀誦・為人解說・須菩提・在在處處・若有此經・一切世間天人阿修羅・所應供養・當知此處・即為是塔・皆應恭敬・作禮圍繞・以諸華香・而散其處

16. NẰNG TỊNH NGHIỆP CHƯỜNG, PURGATION OF BAD KARMA, 能淨業障分第十六

Lại nữa, này Subhuti! Như có thiện nam, thiện nữ nào, thọ-trì, đọc-tụng, kinh này, lại bị người khác chê bai, phỉ báng; thì những tội nghiệp đã gây ra trong đời trước, người ấy đáng lẽ sẽ phải đọa vào ác-đạo, nhưng bởi trong đời nay, bị người khác chê bai, phỉ báng, nên tội-nghiệp đã gây ra trong đời trước đó, liền được tiêu-diệt, người ấy sẽ đắc đạo Vô-thượng Chánh-đẳng Chánh-giác.

Này Subhuti! Ta nhớ lại hồi thuở trước đức Phật Dipankara Nhiên-Đăng ra đời, vô-lượng vô-số kiếp về quá-khứ, Ta đã gặp đặng tám-trăm bốn-ngàn vạn-ức (na-do-tha) nayuta các đức Phật, và với vị nào lúc ấy Ta thấy đều hầu- cận, cúng-dường.

Về đời mạt-thế sau này, nếu có người hay thọ-trì, đọc-tụng kinh này, thì công-đức của những người ấy có được, nếu đem so sánh với công-đức cúng-dường các đức Phật của Ta trong thuở trước, thì công-đức của Ta sánh không bằng một phần trăm, một phần nghìn, (một phần) vạn, (một phần) ức, cho đến tính đếm thí-dụ về toan số đều chẳng bằng được.

Này Subhuti! Về đời mạt-thế sau này, nếu có Thiện-nam, thiện-nữ nào, thọ-trì, đọc-tụng, kinh này, công-đức của những người đầy đạt được lớn cho đến nỗi, nếu Ta nói đủ hết, hoặc có kẻ nghe thì trong lòng liền cuồng-loạn, nghi-ngờ, không tin.

Này Subhuti! Phải biết rằng, vì nghĩa-lý của kinh này chẳng thể nghĩ-bàn được, nên quả-báo cũng không thể nghĩ-bàn được!"

(English p. 31)

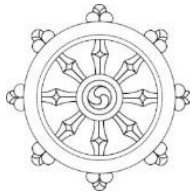
"Furthermore, Subhuti, if there are good men or women who recite, remember, comprehend, and follow this sutra, but are belittled by others, it is because of their previous evil karma, which would cause them to be reborn in the wretched destinies. But now, by enduring the disparagement of others, this previous bad karma is eradicated, and they will eventually attain unsurpassed complete enlightenment.

“Subhuti, I remember that countless kalpas ago, before the time of Dipankara Buddha, I have encountered 84,000 billion nayutas of buddhas, made offerings to, and served all of them without fail.

However, if someone in the Dharma-ending age can recite, remember, comprehend, and follow this sutra, this person’s virtue will be one hundred times, even a hundred trillion times greater than mine when I made offerings to all these buddhas. In fact, no such comparison either by calculation or analogy is possible.

“Subhuti, if I fully reveal the virtue attained by good men and good women in the Dharma-ending age who recite, remember, comprehend, and follow this sutra, some people, upon hearing it, would become suspicious, skeptical, even bewildered. Subhuti, you should know that the underlying meaning of this sutra is inconceivable, and its rewards are also inconceivable.”

復次須菩提 • 若善男子善女人 • 受持讀誦此經 • 若為 人輕賤 • 是人先世
罪業 • 應墮惡道 • 以今世人輕賤 故 • 先世罪業 • 即為消滅 • 當得阿耨多
羅三藐三菩 提 • 須菩提 • 我念過去 • 無量阿僧祇劫 • 於然燈佛 前 • 得值
八百四千萬億那由他諸佛 • 悉皆供養承事 • 無空過者 • 若復有人 • 於後末
世 • 能受持讀誦此經 • 所得功德 • 於我所供養諸佛功德 • 百分不及一 • 千
萬 億分 • 乃至算數譬喻所不能及 • 須菩提 • 若善男子善 女人 • 於後末世
• 有受持讀誦此經 • 所得功德 • 我若 具說者 • 或有人聞 • 心即狂亂 • 狐疑
不信 • 須菩提 • 當知是經義不可思議 • 果報亦不可思議



17. CỨU-CÁNH VÔ NGÃ - TẮT CẢ PHÁP KHÔNG LÀ PHÁP ALL DHARMAS ARE NON-DHARMAS, 究竟無我分第十七

Bấy giờ, ông Subhuti bạch với đức Phật: "Bạch đức Thế-Tôn! Thiện-nam, thiện-nữ, phát Tâm Vô-thượng Chánh-đẳng Chánh-giác, phải trụ-tâm như thế nào? Phải hàng-phục tâm mình như thế nào?"

Đức Phật bảo ông Subhuti: "Thiện-nam, thiện-nữ, phát Tâm Vô-thượng Chánh-đẳng Chánh-giác đó, thì phải sanh-tâm như vậy: Ta phải diệt-độ tất cả chúng-sanh, diệt-độ tất cả chúng-sanh xong, mà không có một chúng-sanh nào thực diệt-độ. Tại sao không?

Này Subhuti! Nếu Bồ-tát mà còn có tướng ngã; tướng nhân, tướng chúng-sanh, tướng thọ-giả thì chính là chẳng phải Bồ-tát.

Vì có sao? Này Subhuti! Vì thực không có pháp gì gọi là phát Tâm Vô-thượng Chánh-đẳng Chánh-giác để mà phát tâm.

Này Subhuti, Ý ông thế nào? – Ở nơi chỗ đức Phật Dipankara Nhiên-Đăng thì Như Lai có pháp đắc được Vô-thượng Chánh-đẳng Chánh-giác chăng?"

"Bạch đức Thế-Tôn! Không, như cách con hiểu nghĩa-lý của lời Phật dạy, thì ở nơi đức Phật Dipankara Nhiên-Đăng, Đức Thế Tôn đã không có

pháp gì sở đắc gọi là Vô-thượng Chánh-đẳng Chánh-giác cả."

Đức Phật dạy rằng: "Đúng thế! Đúng thế! Này Subhuti! Thật không có pháp gì đức Như-Lai đắc được Vô-thượng Chánh-đẳng Chánh-giác.

Này Subhuti! Nếu còn có pháp nào mà đức Như-Lai đắc được Vô-thượng Chánh-đẳng Chánh-giác (anuttara-samyak-sambodhi), thì đức Phật Dipankara Nhiên-Đăng đã không thọ-ký cho Ta rằng: "Ông ở đời sau sẽ đắc thành Phật hiệu là Thích-Ca Mâu-Ni."

Bởi thật không có pháp chi để đắc được Vô-thượng Chánh-đẳng Chánh-giác, cho nên đức Phật Dipankara Nhiên-Đăng đã thọ ký cho Ta, mà nói lời này:

"Ông ở đời sau sẽ đắc thành Phật hiệu là Thích-Ca Mâu-Ni." Bởi vì sao?

Vì Như-Lai có nghĩa là chính các pháp như nghĩa *Chân-Như-Của-Các-Pháp*.

Nếu có người nói rằng: Đức Như-Lai đắc được Vô-thượng Chánh-đẳng Chánh-giác.

Này Subhuti! Thật ra không có pháp chi mà đức Phật đắc được Vô-thượng Chánh-đẳng Chánh-giác.

Này Subhuti! Vô-thượng Chánh-đẳng Chánh-giác mà Như-Lai đắc được, trong đó không thực, không hư, vì thế Như-Lai nói, tất cả pháp đều là Phật-pháp.

Này Subhuti! Tất-cả pháp mà đức Phật nói đó, chính chẳng phải 'tất-cả pháp', cho nên gọi là 'tất-cả pháp'.

Này Subhuti! Ví như thân người to lớn."

Ông Subhuti bạch rằng: "Bạch đức Thế-Tôn! Đức Như-Lai nói thân người to lớn, chính là chẳng phải thân lớn, đó gọi là thân lớn".

"Này Subhuti! Bồ-tát cũng như thế. Nếu nói lời như vậy: Ta đang diệt-độ vô-lượng chúng-sanh, thì vị đó không gọi là bậc Bồ-tát. Bởi vì sao?

Này Subhuti! Thật không có pháp chi gọi là Bồ-tát. Vì thế, Như Lai nói tất cả pháp đều không ngã, không nhân, không chúng-sanh, không thọ-giả.

Này Subhuti! Nếu Bồ-tát nói như thế này: Ta phải trang-nghiêm Phật-thổ, thì vị ấy không gọi là bậc Bồ-tát. Bởi vì sao?

Vì Như-Lai nói trang-nghiêm Phật-thổ đó, chính chẳng phải trang-nghiêm, đó gọi là trang-nghiêm.

Này Subhuti! Nếu Bồ-tát thông-đạt được pháp vô-ngã, không-pháp đó, thì Như-Lai gọi thực-phải bậc Bồ-tát.

(English p. 33)

Then Subhuti addressed the Buddha, “World Honored One, if good men and good women resolve to attain unsurpassed complete enlightenment, how should they abide their mind, and how should they subdue their thoughts?”

The Buddha said to Subhuti: “Good men and good women who resolve to attain unsurpassed complete enlightenment should think like this: ‘I will liberate all sentient beings by bringing them to nirvana.’ Yet when all sentient beings have been liberated, not a single sentient being has actually attained nirvana. Why not?”

“Subhuti, if bodhisattvas abide in the notions of a self, a person, a sentient being, or a life span, they are not bodhisattvas. Why? Subhuti, there is actually no resolve for the attainment of unsurpassed complete enlightenment.

“Subhuti, what do you think? When the Tathagata met Dipankara Buddha, did he obtain anything in order to realize unsurpassed complete enlightenment?”

“No, World Honored One. As I understand the meaning of your teaching, when you met Dipankara Buddha, there was nothing to obtain for the realization of unsurpassed complete enlightenment.”

The Buddha said, “So it is, Subhuti, so it is. There is indeed nothing that can produce the unsurpassed complete enlightenment of the Tathagata.

Subhuti, if there were something that could produce the unsurpassed complete enlightenment of the Tathagata, Dipankara Buddha would not have foretold, ‘You will attain Buddhahood in the future, with the name Shakyamuni.’

It is precisely because there is actually nothing to be obtained in unsurpassed complete enlightenment that Dipankara Buddha foretold, ‘You will attain Buddhahood in the future, with the name Shakyamuni.’ Why? This is because ‘*tathagata*’ means ‘all phenomena (dharma) as they really are.’

If someone says that the Tathagata attained unsurpassed complete enlightenment, Subhuti, there is in fact, nothing to attain in the Buddha's unsurpassed complete enlightenment.

“Subhuti, the unsurpassed complete enlightenment attained by the Tathagata is neither real nor unreal. Therefore the Tathagata teaches that all dharmas are the Buddha Dharma. Subhuti, the so-called ‘all dharmas’ are not dharmas at all. Therefore they are called ‘all dharmas.’

“Subhuti, take the example of a person with an immense, perfect body.”

Subhuti said, “World Honored One, the person with the immense, perfect body has no such body; therefore it is called an immense, perfect body.”

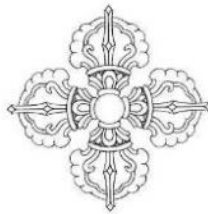
“Subhuti, so it is with a bodhisattva. If someone says, ‘I will bring countless sentient beings to nirvana,’ then he is not a bodhisattva. Why?

Subhuti, there is actually no such thing called a bodhisattva. Therefore the Buddha says that all phenomena are free from the ideas of a self, a person, a sentient being, or a life span.

Subhuti, if a bodhisattva says ‘I will transform the world into a Buddha world,’ then he is not a bodhisattva. Why? The Tathagata teaches that one who transforms the world is not the one who transforms the world. That is to transform the world. Subhuti, if a bodhisattva realizes the Dharma of non-self, the Tathagata says this is a real bodhisattva.”

時須菩提白佛言・世尊・善男子善女人・發阿耨多 羅三藐三菩提心・云何應住・云何降伏其心・佛告須 菩提・善男子善女人・發阿耨多羅三藐三菩提心者・當生如是心・我應滅度一切眾生・滅度一切眾生已・而無有一眾生實滅度者・何以故・須菩提・若菩薩有我相・人相・眾生相・壽者相・即非菩薩・所以者 何・須菩提・實無有法・發阿耨多羅三藐三菩提心 者・須菩提・於意云

何。如來於然燈佛所。有法得阿耨多羅三藐三菩提不。不也。世尊。
如我解佛所說義。佛於然燈佛所。無有法。得阿耨多羅三藐三菩提。
佛言。如是如是。須菩提。實無有法。如來得阿耨多羅三藐三菩提。
須菩提。若有法。如來得阿耨多羅三藐三菩提者。然燈佛即不與我授記。
汝於來世。當得作佛。號釋迦牟尼。以實無有法。得阿耨多羅三藐三菩提。
是故然燈佛與我授記。作是言。汝於來世。當得作佛。號釋迦牟尼。
何以故。如來者。即諸法如義。若有人言。如來得阿耨多羅三藐三菩提。
須菩提。實無有法。佛得阿耨多羅三藐三菩提。須菩提。如來所得阿耨多羅三藐三菩提。
於是中無實無虛。是故如來說一切法。皆是佛法。須菩提。所言一切法者。即非一切法。
是故名一切法。須菩提。譬如人身長大。須菩提言。世尊。如來說人身長大。即為非大身。
是名大身。須菩提。菩薩亦是。若作是言。我當滅度無量眾生。即不名菩薩。
何以故。須菩提。實無有法。名為菩薩。是故佛說一切法。無我。無人。無眾生。無壽者。
須菩提。若菩薩作是言。我當莊嚴佛土。是不名菩薩。何以故。如來說莊嚴佛土者。
即非莊嚴。是名莊嚴。須菩提。若菩薩通達無我法者。如來說名真是菩薩。



**18. NHẤT THỂ ĐỒNG QUÁN - TẤT CẢ Ý
TƯỚNG VÔ HÌNH KHÔNG THỂ SỜ, ALL
THOUGHTS ARE INTANGIBLE, 體同觀分
第十八**

Này Subhuti! Ý Ông thế nào? Đức Như-Lai có mắt
thịt nhục nhãn chẳng?"

*"Bạch đức Thế-Tôn! Đúng thế, đức Như-Lai có mắt
thịt nhục-nhãn."*

"Này Subhuti! Ý Ông thế nào? Đức Như-Lai có mắt
thiên chẳng?"

*"Bạch đức Thế-Tôn! Đúng thế. Đức Như-Lai có mắt
thiên."*

"Này Subhuti! Ý Ông thế nào? Đức Như-Lai có mắt
huệ chẳng?"

*"Bạch đức Thế-Tôn! Đúng thế. Đức Như-Lai có mắt
huệ."*

"Này Subhuti! Ý Ông thế nào? Đức Như-Lai có mắt
pháp chẳng?"

*"Bạch đức Thế-Tôn! Đúng thế. Đức Như-Lai có mắt
pháp."*

"Này Subhuti! Ý Ông thế nào? Đức Như-Lai có mắt
Phật chẳng?"

*"Bạch đức Thế-Tôn! Đúng thế. Đức Như-Lai có mắt
Phật."*

"Này Subhuti! Ý Ông thế nào? Như tất cả cát trong sông Hằng, đức Phật nói là cát chăng?"

"Bạch đức Thế-Tôn! Đúng thế, đức Như-Lai nói là cát."

"Này Subhuti! Ý Ông thế nào? Ví như tất cả cát trong một sông Hằng, thì cũng có số những sông Hằng, bằng số cát như thế, cõi Phật như bao nhiêu số cát trong những-sông-Hằng đó, như thế, cõi Phật có nhiều chăng?"

"Bạch đức Thế-Tôn! Rất nhiều!"

Đức Phật bảo ông Subhuti: "Bao nhiêu thứ tâm-niệm của tất cả chúng-sanh trong ngàn ấy cõi nước, đức Như-Lai đều biết rõ. Bởi vì sao?"

Vì đức Như-Lai nói các thứ tâm đều là chẳng-phải-tâm, đó gọi là tâm. Vì có sao thế? Này Subhuti! Tâm quá-khứ không thể đắc, tâm hiện-tại không thể đắc, tâm vị-lai không thể đắc.

(English p. 36)

"Subhuti, what do you think? Does the Tathagata have the physical eye?"

"Yes, World Honored One. The Tathagata has the physical eye."

"Subhuti, what do you think? Does the Tathagata have the divine eye?"

"Yes, World Honored One, the Tathagata has the divine eye."

"Subhuti, what do you think? Does the Tathagata have the wisdom eye?"

"Yes, World Honored One, the Tathagata has the wisdom eye."

"Subhuti, what do you think? Does the Tathagata have the Dharma eye?"

“Yes, World Honored One. The Tathagata has the Dharma eye.”

“Subhuti, what do you think? Does the Tathagata have the Buddha eye?”

“Yes, World Honored One. The Tathagata has the Buddha eye.”

“Subhuti, what do you think? Does the Buddha consider all the sand in the Ganges River as sand?”

“Yes, World Honored One, the Tathagata calls it ‘sand.’” “Subhuti, what do you think? If there were as many Ganges Rivers as there are grains of sand in the Ganges River, and there were a Buddha world for each grain of sand of all those rivers, would the number of those Buddha worlds be great?” “Great indeed, World Honored One.”

The Buddha said to Subhuti: “The Tathagata is fully aware of the thoughts of each sentient being dwelling in all these Buddha worlds. How is it so? The Tathagata says all these thoughts are not thoughts. Therefore they are called thoughts. Why, Subhuti? Because past thoughts are intangible, present thoughts are intangible, and future thoughts are intangible.”

須菩提・於意云何・如來有肉眼不・如是・世尊・如來有肉眼・須菩提・於意云何・如來有天眼不・如是・世尊・如來有天眼・須菩提・於意云何・如來有慧眼不・如是・世尊・如來有慧眼・須菩提・於意云何・如來有法眼不・如是・世尊・如來有法眼・須菩提・於意云何・如來有佛眼不・如是・世尊・如來有佛眼・須菩提・於意云何・如恆河中所有沙・佛說是沙不・如是・世尊・如來說是沙・須菩提・於意云何・如一恆河中所有沙・有如是沙等恆河・是諸恆河所有沙數佛世界・如是寧為多不・甚多・世尊・佛告須菩提・爾所國土中・所有眾生・若干種心・如來悉知・何以故・如來說諸心・皆為非心・是名為心・所以者何・須菩提・過去心不可得・現在心不可得・未來心不可得

19. PHÁP GIỚI THÔNG HÓA - KHÔNG CÔNG ĐỨC LÀ CÔNG ĐỨC LỚN, NO MERIT IS GREAT MERIT, 界通化分第十九

Này Subhuti! Ý Ông thế nào? Như có người đem bảy thứ báu, đầy cả cõi tam-thiên đại-thiên để dùng bố-thí. Do nhân-duyên như thế, người ấy có được phước, có nhiều chăng?"

"Bạch đức Thế-Tôn! Đúng thế. Người đó, do nhân-duyên ấy, được phước rất nhiều."

"Này Subhuti! Nếu dùng phước-đức là có, hữu-vi, thì đức Như-Lai chẳng nói là được phước-đức nhiều. Do vì phước-đức là không, vô-vi, nên đức Như-Lai mới nói là được phước-đức nhiều."

(English p. 38)

"Subhuti, what do you think? If a person fills all the worlds of the trichiliocosm with the seven jewels and gives them all away in charity, wouldn't this person's merit be great?"

"Yes, World Honored One, this person's merit from such an act would be extremely great."

"Subhuti, if this merit were real, the Tathagata would not say that there is great merit. It is because this merit is non-existent that the Tathagata says that the merit is great."

須菩提・於意云何・若有人滿三千大千世界七寶・以用布施・是人以是因緣・得福多不・如是・世尊・此人以是因緣・得福甚多・須菩提・若福德有實・如來不說得福德多・以福德無故・如來說得福德多

20. Y SẮC LY TƯỞNG - CÁC THUỘC-TÍNH VẬT-LÝ SIÊU-VIỆT, TRANSCENDING PHYSICAL ATTRIBUTES, 離色離相分第二 +

"Này Subhuti! Nơi ý ông thế nào? Có thể do nơi sắc thân mãn-túc đầy đủ mà thấy được Như-Lai chăng?"

"Bạch đức Thế-Tôn! Không. Chẳng nên do nơi sắc thân mãn-túc đầy đủ mà thấy được đức Như-Lai. Bởi vì sao? Vì đức Như-Lai nói sắc thân mãn-túc đầy đủ, nhưng chẳng phải mãn-túc đầy đủ, đó gọi là sắc thân mãn-túc đầy đủ."

"Này Tu-Bồ-Đề! Ý ông thế nào? Có thể do các tướng mãn-túc đầy đủ, mà thấy được đức Phật chăng?"

"Bạch đức Thế-Tôn! Không. Chẳng nên do các tướng mãn-túc đầy đủ mà thấy được đức Như-Lai. Bởi vì sao?

Vì đức Như-Lai nói các tướng mãn-túc đầy đủ, chính chẳng phải các tướng mãn-túc đầy đủ, đó gọi là các tướng mãn-túc đầy đủ."

(English p. 39)

"Subhuti, what do you think? Can the Buddha be recognized by means of his perfect physical body?"

"No, World Honored One. The Tathagata cannot be recognized by means of his perfect physical body. Why? The Tathagata

teaches that a perfect physical body is not a perfect physical body, hence it is called a perfect physical body.”

“Subhuti, what do you think? Can the Tathagata be recognized by means of his perfect attributes?”

“No, World Honored One. The Tathagata cannot be recognized by means of his perfect attributes. Why? The Tathagata teaches that ‘perfect attributes’ are actually not perfect attributes. Therefore they are called perfect attributes.”

須菩提 • 於意云何 • 佛可以具足色身見不 • 不也 • 世尊 • 如來不應以具足色身見 • 何以故 • 如來說具足色身 • 即非具足色身 • 是名具足色身 • 須菩提 • 於意云何 • 如來可以具足諸相見不 • 不也 • 世尊 • 如來不應以具足諸相見 • 何以故 • 如來說諸相具足 • 即非具足 • 是名諸相具足 •



21. PHI THUYẾT SỞ THUYẾT, KHÔNG NÓI ĐIỀU CÓ THỂ NÓI – KHÔNG CÓ PHÁP ĐỂ GIẢNG, THERE IS NO DHARMA TO TEACH, 非說所說分第二十一

"Này Subhuti! Ông chớ nói rằng Như-Lai tác-niệm thể này: Ta có thuyết pháp, ông đừng tác-niệm như thế. Bởi vì sao?

Vì nếu người nào nói rằng: Đức Như-Lai có pháp sở thuyết, vậy là báng Phật, không thể hiểu lời Phật thuyết.

Này Subhuti! Thuyết pháp đó chính thực không có pháp chi nói được, đó gọi là thuyết pháp."

Bấy giờ, Subhuti Huệ mạng bạch đức Phật rằng: "Bạch đức Thế-Tôn! Trong thì vị-lai, chùng có chúng-sanh nào nghe nói pháp này mà sanh lòng-tin chăng?"

Đức Phật dạy rằng: "Này Subhuti! Chúng-sanh kia chẳng phải chúng-sanh, cũng chẳng phải là không-phải-chúng-sanh.

Bởi vì sao? Này Subhuti! Những chúng-sanh, chúng-sanh đó, Như-Lai nói chẳng phải chúng-sanh, đó gọi là chúng-sanh".

(English p. 40)

"Subhuti, do not think that the Tathagata holds the thought 'I have something to teach.' Do not even think such a thing. Why not? Whoever says that the Tathagata has a Dharma to teach slanders the Buddha, because he does not understand my teaching. Subhuti, in teaching the Dharma there is no Dharma to teach. This is called teaching the Dharma."

Then the wise Venerable Subhuti said to the Buddha: "World Honored One, will there be sentient beings in the future [during the Dharma ending age] who will generate faith upon hearing these teachings?"

The Buddha said: "Subhuti, they are neither sentient beings nor non-sentient beings. Why? Subhuti, the Tathagata teaches that

sentient beings, who go through many births, are not sentient beings. Therefore they are called sentient beings.”

須菩提・汝勿謂如來作是念・我當有所說法・莫作是念・何以故・若人言如來有所說法・即為謗佛・不能解我所說故・須菩提・說法者・無法可說・是名說法・爾時慧命須菩提白佛言・世尊・頗有眾生・於未來世・聞說是法・生信心不・佛言・須菩提・彼非眾生・非不眾生・何以故・須菩提・眾生眾生者・如來說非眾生是名眾生

22.VÔ PHÁP KHẢ ĐẮC - KHÔNG CÓ PHÁP NÀO CÓ THỂ ĐẮC, NO ATTAINMENT IS SUPREME ENLIGHTENMENT, 無法可得分 第二十二

Ông Subhuti bạch với đức Phật rằng: "Bạch đức Thế-Tôn! Đức Phật đắc được Vô-thượng Chánh-đẳng Chánh-giác chính là không đắc được chăng?"

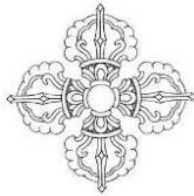
Đức Phật dạy rằng: "Đúng thế! Đúng thế! Này Subhuti! Ta ở nơi Vô-thượng Chánh-đẳng Chánh-giác, đến không có chút pháp chi có thể gọi là đắc được đó mới gọi là Vô-thượng Chánh-đẳng Chánh-giác".

(English p. 41)

Subhuti said to the Buddha: "World Honored One, when the Buddha attained unsurpassed complete enlightenment, was nothing actually attained?"

The Buddha said, “So it is, Subhuti, so it is. As to unsurpassed complete enlightenment, I have not attained the slightest thing. This is why it is called unsurpassed complete enlightenment.”

須菩提白佛言 • 世尊 • 佛得阿耨多羅三藐三菩提 • 為 無所得耶 •
佛言如是如是 • 須菩提 • 我於阿耨多羅三 藐三菩提 • 乃至無有少
法可得 • 是名阿耨多羅三藐三 菩提 •



23. TỊNH TÂM HÀNH THIỆN - TẤT CẢ PHÁP BẰNG NHAU, ALL DHARMAS ARE EQUAL 心行善分第二十三

Lại nữa, này Subhuti! Pháp bình đẳng, không có cao thấp, đó gọi là Vô-thượng Chánh-đẳng Chánh-giác.

Do vì không ngã, không nhân, không chúng-sanh, không thọ-giả, mà tu tất cả pháp lành, liền được Vô-thượng Chánh-đẳng Chánh-giác.

Này Subhuti! Pháp lành đã nói đó Như-Lai nói chính chẳng phải pháp lành đó gọi là pháp lành.

(English p. 41)

“Furthermore, Subhuti, all dharmas are equal, none is superior or inferior. This is called unsurpassed complete enlightenment.

When one cultivates all good without the notions of a self, a person, a sentient being, or a lifespan, one attains unsurpassed complete enlightenment.

Subhuti, the Tathagata teaches that good is not good, therefore it is good.”

復次須菩提 • 是法平等 • 無有高下 • 是名阿耨多羅三藐三菩提 •
以無我 • 無人 • 無眾生 • 無壽者 • 修一切 善法 • 即得阿耨多羅三
藐三菩提 • 須菩提 • 所言善法 者 • 如來說即非善法 • 是名善法

24. PHÚC TRÍ VÔ BỈ - KHÔNG THỂ SO SÁNH CÔNG ĐỨC TRUYỀN KINH, THE MERITS OF TRANSMITTING THE SUTRA 福智無比分第二十四

Này Subhuti! Như trong cõi tam-thiên, đại-thiên, có bao nhiêu núi Tu-Di, nếu có người góp cả bảy thứ báu lại, bằng những núi Tu-Di đó, đem dùng mà bố thí. Nơi Kinh Kim Cương Của Trí Huệ Toàn Hảo Bát-Nhã Ba-La-Mật này đến một bài kệ bốn câu v.v... nếu có người thọ trì, đọc-tụng, rồi đem giảng cho người khác nghe, thì phước-đức của người bố thí trước, sánh không bằng một phần trăm, (một) nghìn, (một phần) vạn, (một phần) ức, cho đến tính đếm thí-dụ toán số đều chẳng bằng được.

(English p. 42)

“Subhuti, if a person accumulates the seven jewels into mounds equivalent to all Mt. Sumerus in the worlds of a trichiliocosm and gives them away in charity, and another person recites, remembers, followed, and teaches this prajna paramita sutra or

even a four-line verse of this sutra to others, the merit of the former would not be a hundredth, or even a billionth, of that of the latter. In fact, the merit of the latter would be so great that no comparison, by calculation or by analogy, could possibly be made.”

須菩提 • 若三千大千世界中 • 所有諸須彌山王 • 如是等七寶聚 • 有人持用布施 • 若人以此般若波羅蜜經 • 乃至四句偈等 • 受持讀為他人說 • 於前福德 • 百分不及一 • 百千萬億分 • 乃至算數譬喻所不能及

25. HÓA VÔ SỞ HÓA - KHÔNG CÓ CHÚNG SINH ĐỂ GIẢI THOÁT, THERE ARE NO BEINGS TO LIBERATE 化無所化分第二十五

Này Subhuti! Ý Ông thế nào? Các ông chớ cho rằng Như-Lai tác-niệm như vậy: Ta phải hóa-độ chúng-sanh.

Này Subhuti! Ông đừng tác-niệm như thế. Bởi vì sao? Vì thật không có chúng-sanh nào để cho Như-Lai hóa-độ cả.

Nếu có chúng-sanh để cho Như-Lai hóa-độ, thì Như-Lai còn có tướng ngã, (tướng) nhân, (tướng) chúng-sanh, (tướng) thọ-giả.

Này Subhuti! Như-Lai nói có ngã đó chính chẳng phải có ngã, mà kẻ phàm-phu lại cho là có ngã.

Này Subhuti! Kẻ phàm-phu đó, đức Như-Lai nói chẳng phải là phàm-phu, đó gọi là phàm-phu.

(English p. 43)

“Subhuti, what do you think? You should not claim that the Tathagata has the thought, ‘I will liberate sentient beings.’

Subhuti, do not have such a thought. Why? There are in fact no sentient beings for the Tathagata to liberate. If there were sentient beings liberated by the Tathagata, it would mean that the Tathagata holds the notions of a self, a person, a sentient being, or a life span.

Subhuti, when the Tathagata says ‘I’, there is actually no ‘I’. Yet ordinary beings think there is a real ‘I’.

Subhuti, the Tathagata says that ordinary beings are in fact not ordinary beings. Therefore they are called ordinary beings.”

須菩提 • 於意云何 • 汝等勿謂如來作是念 • 我當度眾生 • 須菩提 • 莫作是念 • 何以故 • 實無有眾生如來度者 • 若有眾生如來度者 • 如來即有我人眾生壽者 • 須菩提 • 如來說有我者 • 即非有我 • 而凡夫之人以為有我 • 須菩提 • 凡夫者 • 如來說即非凡夫 • 是名凡夫

26. PHÁP THÂN PHI TƯỚNG ĐỪNG TÌM PHẬT TRONG SẮC TƯỚNG HAY ÂM THANH, SEEK THE BUDDHA NOT IN FORM OR SOUND, 法身非相分第二十六

Này Subhuti! Ý Ông thế nào? Có thể do nơi ba mươi-hai tướng mà thấy là Như-Lai chăng?"

Ông Subhuti bạch rằng: "Đúng thế! Đúng thế! Do ba mươi hai tướng mà thấy đức Như-Lai".

Đức Phật dạy rằng: "Này Subhuti! Nếu lấy ba mươi hai tướng mà xem là đức Như-Lai đó, thì vua Chuyển-Luân-Thánh-Vương chính là đức Như-Lai rồi!"

Ông Subhuti bạch với đức Phật rằng "Bạch đức Thế-Tôn! Theo như con hiểu nghĩa-lý của đức Phật nói, thì chẳng nên do nơi ba-mươi-hai tướng mà thấy đức Như-Lai".

Bấy giờ đức Thế-Tôn liền nói kệ rằng:

Nếu dùng sắc thấy ta,
Dùng âm thanh cầu ta,
Là người hành tà đạo!
Chẳng thể thấy Như-Lai.

(English p. 44)

"Subhuti, what do you think? Can one discern the Tathagata by means of the thirty-two physical attributes?"

Subhuti said, "Yes, yes. One can discern the Tathagata by means of the thirty-two physical attributes."

The Buddha said, "Subhuti, if one discerns the Tathagata by means of the thirty-two physical attributes, then a wheel-turning sage king would be a tathagata."

Subhuti said to the Buddha, "World Honored One, as I understand the meaning of what you have said, one should not try to discern the Tathagata by means of the thirty-two physical attributes."

Then the World Honored One spoke this verse:

Those who see me in form,
Or seek me through sound,
Are on a mistaken path;
They do not see the Tathagata.

須菩提・於意云何・可以三十二相觀如來不・須菩提 言・如是如是・以三十二相觀如來・佛言・須菩提・若以三十二相觀如來者・轉輪聖王・即是如來・須菩提白佛言・世尊・如我解佛所說義・不應以三十二相 觀如來・爾時世尊而說偈言・若以色見我・以音聲求我・是人行邪道・不能見如來

27.VÔ ĐOẠN VÔ DIỆT - TRÁNH CÁI THẤY ĐOẠN-DIỆT, AVOID ANNIHILISTIC VIEWS 無斷無滅分第二十七

Subhuti! Nếu ông tác-niệm thế này: Đức Như-Lai, không phải vì có tướng mãn-túc đầy đủ mà được Vô-thượng Chánh-đẳng Chánh-giác!

Subhuti! Ông cũng đừng tác-niệm như vậy: Đức Như-Lai chẳng do nơi tướng mãn-túc đầy đủ mà được Vô-thượng Chánh-đẳng Chánh-giác?

Subhuti! Nếu ông tác-niệm như vậy: Người phát Tâm Vô-thượng Chánh-đẳng Chánh-giác nói các pháp đều đoạn diệt. Ông đừng tác-niệm như thế. Bởi vì sao?

Vì người phát Tâm Vô-thượng Chánh-đẳng Chánh-giác nơi các pháp không nói tướng đoạn diệt.

(English p. 45)

“Subhuti, if you think that the Tathagata attains unsurpassed complete enlightenment without the perfection of all attributes, then,

Subhuti, you should not think this way, because the Tathagata does not attain unsurpassed complete enlightenment without the perfection of all attributes.

Subhuti, if you resolve to attain unsurpassed complete enlightenment with such a thought, you would be asserting the extinction of dharmas. You should not think this way. Why?

One who resolves to attain unsurpassed complete enlightenment does not assert the extinction of dharmas.”

須菩提・汝若作是念・如來不以具足相故・得阿耨多羅三藐三菩提・須菩提・莫作是念・如來不以具足相故・得阿耨多羅三藐三菩提・須菩提・汝若作是念・發阿耨多羅三藐三菩提心者・說諸法斷滅・莫作是念・何以故・發阿耨多羅三藐三菩提心者・於法不說斷滅相

•

28. BẤT THỤ BẤT THAM - BỒ TÁT KHÔNG TÍCH CÔNG ĐỨC, BODHISATTVAS DO NOT ACCUMULATE MERITS 不受不貪分第二十八

Này Subhuti! Nếu Bồ-tát đem bảy thứ báu đầy cả những cõi nước bằng số cát sông Hằng để làm việc bố-thí.

Nếu lại có người biết tất cả các pháp vô ngã mà
đặng thành nhẫn trí. Vị Bồ-tát này được công-đức
hơn phước-đức của vị Bồ-tát trước. Bởi vì sao?

Này Subhuti! Vì các vị Bồ-tát không nhận lấy phước-
đức."

(English p. 46)

"Subhuti, if a bodhisattva gives away enough of the seven jewels to fill as many world systems as the grains of sand in the Ganges River, and another bodhisattva attains the forbearance of the selfless nature of all phenomena, the virtue of this bodhisattva would exceed that of the former. Why? Subhuti, this is because bodhisattvas do not accumulate merits."

*Ông Subhuti bạch với đức Phật rằng: "Bạch đức
Thế-Tôn! Tại sao các vị Bồ-tát không nhận lấy
phước-đức?"*

"Này Subhuti! Vị Bồ-tát phàm có làm việc phước-
đức thì chẳng nên tham-trước, vì thế nên nói là
chẳng nhận lấy phước-đức.

Subhuti said to the Buddha: "World Honored One, how is it that
bodhisattvas do not accumulate merits?"

"Subhuti, bodhisattvas do not cling to the merits they generate.
Therefore I say that they do not accumulate merits."

須菩提・若菩薩以滿恆河沙等世界七寶・持用布施・若復有人・知
一切法無我・得成於忍・此菩薩・勝前菩薩・所得功德・何以

故・須菩提・以諸菩薩・不受福德故・須菩提白佛言・世尊・云何
菩薩不受福德・須菩提・菩薩所作福德・不應貪著・是故說不受福
德

29.UY NGHI TỊCH TỊNH LAI - KHÔNG ĐẾN KHÔNG ĐI, THUS-COME-ONE NEITHER COMES NOR GOES, 威儀寂靜分第二十九

Này Subhuti! Nếu có người nói: Đức Như-Lai hoặc đến, hoặc đi, hoặc ngồi, hoặc nằm, thì người ấy không hiểu nghĩa của Phật nói. Bởi vì sao? Vì Như-Lai đó, không từ nơi nào lại, mà cũng không nơi nào đi, nên gọi là Như-Lai!

(English p. 46)

“Subhuti, whoever says that the Tathagata (‘Thus-come One’) comes, goes, sits, or lies down does not understand the meaning of my teaching. Why? The Thus-come One neither comes nor goes. Therefore he is called ‘Thus-come One’.”

須菩提・若有人言・如來若來若去・若坐若臥・是人 不解我所說
義・何以故・如來者・無所從來・亦無所 去・故名如來

30.NHẤT HỢP LÝ TƯỞNG, BẢN CHẤT CỦA THẾ GIỚI, THE NATURE OF THE WORLD, 合理相分第三十

Này Subhuti! Như có Thiên-nam, thiên-nữ, đem cõi tam-thiên đại-thiên (trichiliocosm) đập nát thành vi-trần. Nơi Ý Ông thế nào? Các vi-trần (đơn vị siêu nhỏ bé) đó có nhiều chăng?"

Ông Subhuti bạch rằng "Bạch đức Thế-Tôn! Rất nhiều. Bởi vì sao? Vì nếu những vi-trần đó là thật có, thì đức Phật chẳng nói là những vi-trần.

Thế là nghĩa gì? Vì đức Phật nói những vi-trần vốn chẳng phải những vi-trần, nên mới gọi là những vi-trần.

Bạch đức Thế-tôn! Cõi tam-thiên, đại-thiên (trichiliocosm) của đức Như-Lai nói, chính chẳng phải thế-giới, đó gọi là thế-giới. Bởi vì sao? Vì nếu thế-giới là thực có ấy, thì là tướng nhất hợp.

Đức Như-Lai nói tướng nhất-hợp chính chẳng phải tướng nhất-hợp, đó gọi là tướng nhất-hợp".

"Này Subhuti! tướng nhất-hợp thật sự không thể nói được, chỉ những kẻ phàm-phu chấp trước những hiện tượng ấy thôi.

(English p. 47)

"Subhuti, what do you think? If a good man or good woman takes all the worlds of a trichiliocosm and crushes them into tiny particles, wouldn't these particles be numerous?"

"Extremely numerous, World Honored One. Why? If these tiny particles had real existence, the Buddha would not call them tiny particles.

What does this mean? What the Buddha calls 'tiny particles' are not tiny particles. Therefore they are called tiny particles.

The Tathagata teaches that 'composites' are not composites. Therefore they are called composites."

World Honored One, that which the Tathagata calls 'all the worlds of a trichiliocosm' are actually not worlds. Therefore they are called worlds. Why? To the extent that these worlds really exist, they do so as a composite.

"Subhuti, a composite is actually ineffable, but ordinary beings form attachments to such phenomena."

須菩提・若善男子善女人・以三千大千世界碎為微塵・於意云何・是微塵眾・寧為多不・須菩提言・甚多・世尊・何以故・若是微塵眾實有者・佛即不說是微塵眾・所以者何・佛說微塵眾・即非微塵眾・是名微塵眾・世尊・如來所說三千大千世界・即非世界・是名世界・何以故・若世界實有者・即是一合相・如來說一合相・即非一合相・是名一合相・須菩提・一合相者・即是不可說・但凡夫之人・貪著其事・

31. TRI KIẾN KHÔNG SINH - TIÊU DIỆT BỐN KIẾN THẤY, EXTINCTION OF THE FOUR VIEWS, 知見不生分第三十 一

Này Subhuti! Như có người nói: Đức Phật nói ngã-kiến, nhân kiến, chúng-sanh-kiến, thọ-giả-kiến. Ý Ông thế nào? Người ấy hiểu nghĩa-lý của điều Phật nói chẳng?"

"Bạch đức Thế-Tôn! Không. Người ấy không hiểu nghĩa-lý của điều đức Phật nói. Bởi vì sao? Đức Thế-tôn nói ngã-kiến, nhân-kiến, chúng-sanh-kiến, thọ-giả-kiến, vốn chẳng phải ngã-kiến, nhân-kiến,

chúng-sanh-kiến, thọ-giả-kiến, do đó gọi là ngã-kiến, nhân-kiến, chúng-sanh-kiến, thọ-giả-kiến".

"Này Subhuti! Nơi tất cả pháp, người phát Tâm Vô-thượng Chánh-đẳng Chánh-giác phải biết như thế, thấy như thế, tin hiểu như thế, chẳng sinh pháp-tướng.

Này Subhuti! Pháp-tướng nói ra đó, đức Như-Lai nói chính là không phải pháp-tướng, nên đó gọi là pháp-tướng.

(English p. 48)

"Subhuti, if someone claims that I teach views of a self, a person, a sentient being, or a life span, what would you say? Has this person understood the meaning of my teaching?"

"World Honored One, this person has not understood the meaning of the Tathagata's teaching. Why? The World Honored One explains that views of a self, a person, a sentient being, or a life span are actually not views of a self, a person, a sentient being, or a life span. Therefore they are called views of a self, a person, a sentient being, or a life span."

"Subhuti, one who resolves to attain unsurpassed complete enlightenment should know, perceive, believe, and understand all dharmas like this, just as they are, without attachment to the attributes of any dharma. Subhuti, the Tathagata has explained that dharma attributes are not dharma attributes, therefore they are called dharma attributes."

須菩提 • 若人言 • 佛說我見 • 人見 • 眾生見 • 壽者 見 • 須菩提 •
於意云何 • 是人解我所說義不 • 不也 • 世尊 • 是人不解如來所說
• 何以故 • 世尊說我見 • 人見 • 眾生見 • 壽者見 • 即非我見 • 人見
• 眾生見 • 壽者見 • 是名我見 • 人見 • 眾生見 • 壽者見 • 須菩 提 •

發阿耨多羅三藐三菩提心者 • 於一切法 • 應如是 知 • 如是見 • 如是信解 • 不生法相 • 須菩提 • 所言法 相者 • 如來說即非法相 • 是名法相

32. ỨNG HÓA PHI CHÂN - TẤT CẢ PHÁP LÀ ẢO TƯỜNG, ALL PHENOMENA ARE ILLUSIONS 應化非真分 第三十二

Này Subhuti! Như có người đem bảy thứ báu đầy cả vô-lượng vô-số cõi nước để làm việc bố-thí. Như có thiện-nam, thiện-nữ nào, phát tâm Bồ-đề, thọ-trì kinh này, đến một bài kệ bốn câu v.v... thọ-trì, đọc-tụng, lại giảng cho kẻ khác nghe, thì phước-đức của người này hơn người trước. Giảng nói cho người khác nghe như thế nào? Không chấp nơi tướng, như nghĩa, chẳng động? Bởi vì sao?

*Tất cả những pháp hữu-vi (conditioned phenomena)
Khác nào mộng, huyễn, khác gì điện, sương.
Như bóng nước, như ảnh-tượng.
Xét suy như thế cho thường chớ quên!*

Đức Phật nói kinh này xong, ông Trưởng-Lão Subhuti cùng với các vị Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-Ni, Ưu-Bà-Tắc, Ưu-Bà-Di, tất cả Trời, Người, A-tu-La v.v... trong thế-gian, nghe những lời của Đức Phật dạy, thấy đều rất vui mừng, tin nhận, vâng theo tu hành.

Kinh Kim Cang Trí Huệ Toàn Hảo
(còn được gọi là *Kinh Kim Cang Bát-Nhã-Ba-La Mật*,

còn được gọi là *Kinh Năng Đoạn Kim Cang Prajna Paramita*)

(English p. 49)

“Subhuti, if a person amasses enough of the seven jewels to fill countless worlds and gives them away in charity, and if a good man or good woman with the bodhisattva resolve takes as few as a four-line verse of this sutra, recites, remembers, follows, and expounds it to others, the latter’s merit would far exceed that of the former. How should one teach it to others? Without attachment, abiding in stillness and suchness. Why?

All conditioned phenomena
Are like a dream, an illusion, a bubble, a shadow,
Like dew or a flash of lightning;
Thus we shall perceive them.”

With this the Buddha concluded the sutra. The elder Subhuti, other bhiksus, bhiksunis, upasakas, upasikas, heavenly and human beings, asuras, and other beings of the world, having heard the Buddha, were all filled with immense joy; they accepted and followed the teaching faithfully.

The Diamond of Perfect Wisdom Sutra.

須菩提 • 若有人以滿無量阿僧祇世界七寶 • 持用布 施 • 若有善男子善女人 • 發菩提心者 • 持於此經 • 乃 至四句偈等 • 受持讀誦 • 為人演說 • 其福勝彼 • 云何 為人演說 • 不取於相 • 如如不動 • 何以故 • 一切有為 法 • 如夢幻泡影 • 如露亦如電 • 應作如是觀 • 佛說是經已 • 長老須菩提及諸比丘 • 比丘尼 • 優婆 塞 • 優婆夷 • 一切世間天人阿修羅 • 聞佛所說 • 皆大 歡喜 • 信受奉行 • 金剛般若波羅蜜經



CẦU NGUYỆN LÚC KẾT THÚC



CONCLUDING PRAYERS

5. HÒI HƯỚNG DEDICATION [迴向]

དགེ་བ་འདི་ཡིས་སྤུང་བ་དང་གསུམ་མ་སངས་རྒྱལ་འགྲུབ་ལྟར་ནས།
འགྲོ་བ་གཅིག་ཀྱང་མ་ལྟས་པ་དེ་ཡིས་ལ་འགོད་པར་ཤོག།

(English p. 51)

**gewa diyi nyurdu dag
lama sangyé drub.gyur né
drowa chik.kyang malü pa
déyi sala göpar shok**

Through the merits of these virtuous actions
May I quickly attain the state of Guru Buddha
And lead all living beings without exception
Into her enlightened state.

Nguyện nhờ công đức này, con sớm thành địa vị
của Đức Phật, Đạo sư
Nguyện dẫn dắt chúng sinh không chừa sót một ai,
cùng vào quả vị này

願我能以此善業，速捷成就上師佛，
並將一切諸眾生，安頓立定於彼地。

བྱང་ཆུབ་སེམས་མཆོག་རིན་པོ་ཆེ་མ་སྤུང་བ་ལྟར་ཅིག
སྤྱོད་པ་ཉམས་པ་མེད་པ་ཡང་ཤོད་ནས་གོང་དུ་འཕེལ་བར་ཤོག།

**jangchub semchok rinpoche
ma.kyé panam kyé.gyur chik
kyepa nyampa mepa yang
gong.né gong.du pelwar shok**

May the supreme jewel bodhicitta,
That has not arisen, arise and grow;
And may that which has arisen not diminish
But increase more and more.

Nguyện cho Bồ Đề Tâm châu báu vô thượng
Nơi nào chưa phát sinh sẽ nảy sinh phát triển
Và nơi nào đã phát sinh sẽ không thoái giảm
Nhưng sẽ tăng trưởng hơn và hơn nữa.

勝菩提心極珍貴，諸未生者令生起，
令已發者不衰退，展轉增上恆滋長。

ཡང་དག་ལྷ་བ་རིན་པོ་ཆེ།
མ་སྐྱེས་པ་རྒྱུ་ལྟར་ཅིག
སྐྱེས་པ་ཉམས་པ་མང་པ་ཡང་།
གོང་ནས་གོང་དུ་འཕེལ་བར་ཤོག

yangdak tawa rinpoche
ma.kyé panam kyé.gyur chik
kyepa nyampa mepa yang
gong.né gong.du pelwar shok

May the supreme jewel perfect view,
That has not arisen, arise and grow;
And may that which has arisen not diminish
But increase more and more.

Nguyện tri kiến toàn hảo châu báu vô thượng
Nơi nào chưa phát sinh sẽ nảy sinh phát triển
Và nơi nào đã phát sinh sẽ không thoái giảm
Nhưng sẽ tăng trưởng hơn và hơn nữa.

殊勝正見極珍貴，諸未生者令生起，令
已發者不衰退，展轉增上恆滋長。

མཐོང་བ་དང་ནི་ཐོས་པ་དང་། དྲན་པ་དང་ནི་རིག་པ་ཡི། བདག་ནི་
མཉམས་ཅན་ཐམས་ཅད་ཀྱི། རྒྱ་རྒྱས་ཀྱི་ཀང་ནི་འབྱུང་ཅིག

**tongwa dang.ni töpa dang drenpa
dang.ni rekpa yé dag.ni semchen
tamché kyi nénam kün.kyang
shi.gyur chik**

May I pacify all the pain
Of every sentient being
Who sees or hears me,
Who thinks of me or touches me.

Nguyện con thanh tịnh tất cả khổ đau
Của từng chúng sanh hữu tình
Khi họ thấy hoặc nghe con,
Nghĩ đến con hoặc chạm vào con

自他三世所積一切善，迴向見聞念觸談我者，當
下即獲解脫一切苦，且能永遠得享安穩。

ས་སྟོན་པ་ཆེན་པོ་དང་། རྣམ་མཁའ་བཞིན་དུ་རྟག་པ་ཡང་།
སེམས་ཅན་པགས་དུ་མེད་པ་ཡི། རྣམ་མང་ཉེར་འཛིན་གཞིར་ཡང་ཤོག

**sasok jungwa chenpo dang
namkha shindu takpa yang
semchen paktu mepa yi
namrang nyer.tsö shir.yang shok**

Just like the earth and space itself
And all the other mighty elements
For boundless multitudes of beings
May I always be the ground of life,
The source of varied sustenance.

Cũng như đất và chính không gian
Và tất cả yếu tố hùng mạnh khác,
Nguyện con là nền đất của sự sống
Nguồn nuôi dưỡng đa dạng.
Cho vô-lượng chúng sinh vô-biên

雖如地等諸大種，並及虛空性堅實，
願為無量諸有情，車載斗量資生基。

ཇི་སིད་ན་མ་མཁའ་གནས་པ་དང་།
འགོ་བ་དེ་སིད་གནས་ཐུར་པ།
དེ་སིད་བདག་ནི་གནས་འབྱུར་ནས།
འགོ་བའི་སྤྱུག་ལྡེལ་སེལ་བར་ཤོག

**jisi namkha nepa dang
drowa desi né.gyur pa
desi dakni negyur né
drowé duk.ngal selwar shok**

As long as space endures,
As long as sentient beings remain,
Until then may I too abide,
To dispel the suffering of all beings.

Khi nào không gian còn tồn tại
Khi nào chúng sanh hữu tình còn ở lại
Đến khi ấy nguyện con cũng trụ lại
Để xua tan khổ đau của tất cả chúng sanh.

乃至有虛空，以及眾生住，
願吾住世間，盡除眾生苦。

དེ་ནས་རེ་བཅུན་སྒྲ་མ་བྱུགས་རེ་ཅན།མ་ཐུར་འགོ་བའི་སྤྱུག་སེལ་སྤྱུག་བཟུལ་ཀུན། མ་ལུས་ད་རྩ་བདག་ལ་སིན་པ་དང་།བདག་གི་བདེ་དགེ་
གཞན་ལ་གཏོང་བ་ཡིས། འགོ་ཀུན་བདེ་དང་ཟན་བར་བྱིན་གས་རོབས།

**dené je.tsün lama tukjé chen
ma.gyur drowé dig.drib duk.ngal
kün malü danta dag.la minpa dang
dakgi dégé shenla tongwa yi drokün
dé dang denpar jingyi lob**

And thus perfect, pure compassionate gurus,
I seek your blessings that all karmic debts,
obstacles, and suffering of mother beings
May without exception ripen upon me right
now,

And that I may give my happiness and virtue to others
And, thereby, invest all beings in bliss.

Do đó chư đạo sư toàn hảo, thuần tịnh và từ bi,
Xin gia trì để tất cả nợ nghiệp, chướng ngại, và đau
khổ của các chúng sinh mẹ
Tức thời trở quả không thiếu sót nơi con
Và để con hiển cúng hạnh phúc và đức hạnh của
con đến chúng sinh
Nhờ đó ưu đãi tất cả chúng sanh trong phúc lạc.

唯因仰仗上師慈恩力，
無論有情經歷任何苦，惟願悉皆成熟於我身，
我所積集善業並樂果，惟願悉皆成熟有情身。

འདས་དཔལ་དཔའ་པོས་ཇི་ལྟར་མཆོག་སྤངས་ཀྱི་ཀུན་རྒྱུ་བཟང་པོ་དེ་ཡང་དེ་བཞིན་ཏེ།
དེ་དག་གི་རིས་སུ་བདག་སོབ་ཐེན་དགེ་བ་འདི་དག་ཐམས་ཅད་རབ་རྒྱུ་བཟོ།

jampal pawö jitar khyenpa
dang kuntu zangpo deyang
de.shin té dedak küngyi jesu
daklob chir gewa didak
tamché rabtu ngo

Just as the brave Manjushri and Samantabhadra, too,
Realized things as they are,
I, too, dedicate all these merits in the best way,
That I may follow their perfect example.

Như Đức Văn Thù uy dũng và Đức Phổ Hiền
Cùng chứng ngộ các pháp thật sự là
Con cũng hồi hướng tất cả công đức này theo
cách thù thắng nhất
Để con có thể noi gương toàn hảo của các
Ngài

勇猛文殊如實了諸法，
大行普賢菩薩亦如是，
為能隨從彼等清淨學，
我將此等善根皆迴向。

དུས་གསུམ་གཤེགས་པའི་རྒྱལ་བ་ཐམས་ཅད་ཀྱིས། བཟོ་བ་གང་ལ་མཚོག་ཏུ་བཟུགས་པ་
དེས། བདག་གི་དགེ་བའི་ཙ་བ་འདི་ཀུན་ཀང་། བཟང་པོ་སྔོན་མའི་རབ་ཏུ་བཟོ་བར་བགྱི།

**düsum shekpé gyalwa tamché kyi
ngowa gangla chok.tu ngakpa dé
dakgi gewé tsawa dikün kyang
zangpo chöchir rabtu ngowar gyi**

I dedicate all these roots of virtue,
With the dedication praised as the best
By the victorious tathagatas of the three times,
That I might practice what is noble.

Nguyện hồi hướng tất cả rễ đức hạnh
Cách hồi hướng đã được tán dương là tốt nhất
Bởi chư Như Lai chiến thắng trong ba thời,
Để con hành trì pháp cao quý.

正如一切三時善逝佛，所讚種種迴向中最勝，
為行普賢行我亦如是，將此善根各各皆迴向。



6. TÁN DƯƠNG LAMA TSONGKHAPA, PRAISE OF LAMA TSONGKHAPA, [無緣悲心贊]



Thầy là Quán Thế Âm kho tàng Đại Bi Tâm
đã chứng ngộ Tính Không
Thầy là Đức Văn Thù Đại Đạo Sư với Trí huệ vô
cầu
Thầy là Kim Cang Thủ Đại Lực chiến thắng mọi
ác ma
Lama Tông Khách Ba, viên ngọc quý
trên đỉnh bậc Thánh hiền xứ Tuyết
Đảnh lễ dưới chân Thầy, Đức Lobsang Drakpa
Con thành tâm cầu nguyện.

དམིགས་མེད་བཙེ་བའི་གཏེར་ཆེན་སུན་རས་གཟིགས། རྩེ་མེད་མཁེན་པའི་དབང་པོ་འཇམ་དཔལ་དབྱངས།
གངས་ཅན་མཁས་པའི་གཞུག་རྒྱུ་ཙཱ་ཁ་ཤ། རྫོ་བཟང་གཞས་པའི་ཞབས་ལ་གསོལ་བ་འདེབས།

(English p. 43)

**migmé tsewé terchen chenrezig dremé
khyenpé wangpo jampal yang gangchen
khepé tsukgyen tsongkhapa lozang
drapé shabla solwa deb**

Avalokiteshvara, great treasure of objectless
compassion Manjushri, master of flawless wisdom
Vajrapani, destroyer of the entire host of maras
Tsongkhapa, crown jewel of the snow land's sage
Losang Drakpa, I make request at your feet.

無緣悲心寶藏觀世音 □ 無垢智慧王者妙文殊 ·

(無餘摧伏魔軍秘密主)

雪域智者頂嚴宗喀巴 □ 洛桑札巴蓮足誠祈請 ·

7. CẦU NGUYỆN KHEN RINPOCHE GESHE GYALTEN KUNGHA TRƯỜNG THỌ LONG LIFE PRAYER



Vẽ mặt của Thượng Sư đẹp lộng lẫy như hoa sen đỏ,
Thầy là hiện thân của tất cả Đấng Chiến Thắng
Đức Phật Vô Lượng Quang, nguyện ban thành tựu vô
lượng thọ

Nguyện đài sen của Thượng Sư chỉ dạy chúng con lộ
trình tối hảo, siêu việt

Đến giải thoát vô thượng, luôn bất hoại kiên định như
Kim Cang

རྒྱལ་པ་ཀུན་འདུས་ཞལ་པད་རྒྱ་མདོག་འཆང་བ།
ཆེ་འད་དཔག་མད་ཆེ་ཡི་དངས་བྱུང་སྟོན།
ཡང་དག་ལས་སྟོན་ཐར་པ་མཆོག་གི་བཞེས།
ཞབས་པད་རྩོུའི་ངོ་བོར་བརྟན་པར་གསོལ།

**gyalwa kündü zhelpé rakdok changwa
tsé öpakmé tséyi ngödrub tsol
yangdak létön tarpa chokgi shé
zhabpé dorjé ngowor tenpar sol**

With a face that has the hue of a red lotus,
you encompass all conquerors
Life Amitabha, please bestow the siddhi of life.
May the lotus feet of the friend who teaches the
correct path to supreme liberation
Remain stable like the vajra

Nguyện Thượng Sư đức hạnh vững vàng, thuyết
nền- tảng của Chánh-Tri-Kiến vắng cực đoan
Và hành động từ lãnh vực của hạnh Bồ Đề trân quý,
vô thượng

Ngài ngự trên cao với bốn phương tiện đa cấp để
thu phục đệ tử

Nguyện Tôn Sư luôn được kiên định như núi Tu Di

མཐའ་བྲལ་ཡང་དག་ལྟ་བུ་འཕྲི་མེད་བརྟན།
བྱང་ལམས་སྟོན་མཆོག་རིན་ཆེན་མཁས་ལས་བྱུང།
བརྟུ་བ་བཞི་ཡི་བང་འཕྲི་མེད་མདོག་པར་མཐོ།
བཞེས་གཞིན་རི་དབང་རྩན་པ་རྟག་བརྟན་ཤོག།

**tadral yangdak tawé zhimeng ten
changsem chöchok rinchen khélé drub
duwa zhiyi bangrim ngönpar to
shenyen riwang lhünpo takten shok**

May the virtuous friend who steadily proclaims
the foundation of correct view free from extremes
and acts from the sphere of the precious supreme
conduct of bodhicitta

With the layers of the four means of gathering disciples standing high
Always remain stable like the supreme Mount Meru.

Thượng Sư là vườn sen trong truyền thống vô cầu
về giáo huấn của các Đấng Chiến Thắng
Gyalten

Tôn Sư trưởng dưỡng tất cả chúng sanh luân hồi
trong ba cõi

Ngài là viên bảo châu của bầu trời, vị thiện tri thức
làm nhiều học giả kinh mẩn

Cầu mong cho những hoạt động giác ngộ của Ngài
mãi luôn tỏa sáng phóng chiếu vô lượng quang

དྲི་བལ་རྒྱལ་བསྐྱེད་ཅིང་ལུགས་པད་མེད་ཚལ།
ས་གསུམ་འགྲོ་ཀླན་གསོས་སུ་སྤེལ་བའི་གཉན།
མཁས་སྐུ་དགའ་སྦྱང་བཤེས་གཉན་ནམ་མཁའ་ནོར།
འཕྱིན་ལས་འོད་སྣང་འབྱུང་བཞེན་རྟག་འཆར་ཤོག།

**dridrel gyalten ringluk pemö tsal
sasum drokün sösu pelwé nyen
khégu gakyé shenyen namkhé nor
trinlé ö nang gyézhin takchar shok**

The lotus garden of the stainless tradition of
the Conquerors' teachings (*gyal ten*)

The friend who provides nourishment for all
reincarnating beings in the three worlds

The jewel of the sky, the virtuous friend who pleases many scholars
May his enlightened activities always shine like the profusion of light.

Cùng với năng lực gia trì tuyệt diệu của tất cả Đấng
Chiến Thắng, Đại Bồ Tát và các vị con Phật
Cùng với chân lý không lừa dối của nguyên lý Sinh
Khởi Phụ Thuộc
Cùng năng lực từ tín tâm với động cơ hết sức thanh
tịnh của con
Cầu cho những lời thỉnh nguyện khao khát của con
được nhanh chóng và dễ dàng viên thành vì
hạnh phúc và lợi ích của tất cả chúng sanh

མད་བྱང་མས་བཅས་བྱུང་བའི་ཕྱིན་ཆེན་དང་།
བརྟན་འབྱེས་བསྐྱེད་པའི་བདེན་པ་དང་།
བདག་གི་ལྷག་བསམ་དག་པའི་མཐུ་ལྷན་མཐུ་གྱིས།
མོན་པའི་དོན་ཀྱན་བདེ་ལྷག་འབྲུབ་ཀྱིར་ཅིག།

**mejung séché gyalwé jinlab dang
tendrel luwa mepé denpa dang
dakgi lhaksam dakpé tutob tu kyi
mönpé dōnkün delak drub gyur chik**

Through the power of the amazing blessings
of the Conquerors and theirs sons
The truth of the infallible dependent arising
And the might of my pure special intention
May all my prayers be easily fulfilled.



8. MINH CHÚ HỒNG DANH



MINH CHÚ HỒNG DANH Của **Thánh Đức H.E. Choden Rinpoche**

*Quý vị nào đã lập liên kết Guru-đệ tử với
Thánh Đức H.E. Choden Rinpoche, hoan hỷ trì:*

ཨོཾ་ཨ་ཀུ་རུ་བཌྲ་ཤ་ས་ཤི་ཨོཾ་ཨ་ཀུ་རུ་བཌྲ་ཤ་ས་ཤི་ཨོཾ་

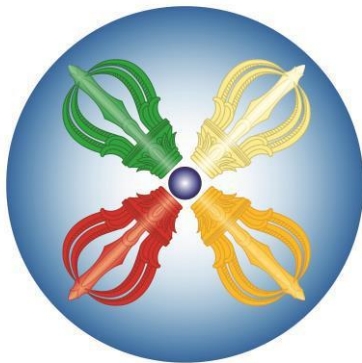
**OM AH GURU VAJRADHARA
SUMATI DZAYA SHASANA VIBHAYA ISHVARA
SARWA SIDDHI HUM HUM**

MINH CHÚ HỒNG DANH Của **Khen Rinpoche Geshe GYALTEN**

*Quý vị nào đã lập liên kết Guru-đệ tử với
Khen Rinpoche Geshe Gyalten, hoan hỷ t*

ཨོཾ་ཨ་ཀུ་རུ་བཌྲ་ཤ་ས་ཤི་ཨོཾ་ཨ་ཀུ་རུ་བཌྲ་ཤ་ས་ཤི་ཨོཾ་

**OM AH GURU VAJRADHARA
SUMATI DZAYA SHASANA ANANDA
SARWA SIDDHI HUM HUM**



Awakening Vajra International
3888 Balcom Road
San Jose, CA 95418

awakeningvajrainternational.org

info@awakeningvajrainternational.org

Chú thích Việt dịch: Kính bạch Chư Tôn Đức Tăng Ni và quý Học viên,

Xin quý vị hoan hỷ đóng góp sự hiểu biết của quý vị để bản dịch thảo được tốt hơn. Chúng con là đồng học viên thiện nguyện ở nhiều quốc gia, cố gắng dịch sang tiếng Việt để cúng dường lên các guru của dòng truyền thừa. Chúng con sám hối và xin chư Phật truyền tâm trọn pháp trực tiếp cho người đọc. Chúng con chỉ dịch để những học viên muốn đọc tiếng Việt tiện có tài liệu để dễ học. Vajrasattva Hum. Mọi lỗi lầm sơ sót là lỗi của người dịch gửi Sách Thực Hành này ra 3,2.2021 email: kimcuongviet@yahoo.com

Khen Rinpoche Geshe Gyalten đã từ bi nhận lời thuyết giảng về:

Kinh KIM CANG Cắt Đoạn

Diamond Vajra Cutter Sutra



Khóa học sẽ:

- ✓ bắt đầu vào ngày Chủ Nhật ngày 24 tháng 1, 2021 (Châu Á và Úc) cũng là thứ Bảy ngày 23 tháng 1 năm 2021 (Mỹ Canada) và sẽ tiếp tục trong 10 tuần, mỗi lớp 1 tiếng đồng hồ và thời gian hỏi đáp,
- ✓ qua trực tuyến, và
- ✓ Ngôn ngữ: Tiếng Hoa, với thông ngôn tiếng Anh (Indonesia, Việt: nếu có nhu cầu)

Tất cả chúng ta đều trải qua những thăng trầm trong cuộc sống tràn ngập những khoảnh khắc đáng kinh ngạc của niềm vui, tức giận, nỗi buồn và yên tĩnh. Các trải nghiệm nghe rất cụ thể và thực tế đối với chúng ta. Học Kinh Kim Cang Cắt Đoạn Vajra Cutter sẽ giúp chúng ta hiểu rằng “những vướng mắc” dường như thực sự này là không có thực.

Khen Rinpoche Geshe Gyalten

là Giám Đốc Tinh Thần của Kim Cang Tỉnh Giác Quốc Tế Awakening Vajra International, một tổ chức vô-vì-lợi truyền bá Phật Giáo Tây Tạng.

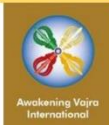
Khen Rinpoche là Hòa Thượng Trụ Trì của Tu-viện Lama Gaun Tashi Rabten ở Nepal.

Sẽ giảng thuyết vào Giờ địa phương:
Việt Nam, Indonesia: 9g30 sáng Chủ Nhật

USA California: 6:30pm Thứ bảy,
New York, 9:30pm Thứ bảy
Canada: 9:30pm Thứ bảy

Malaysia, Singapore, Úc Perth: 10:30am Chủ Nhật,

Úc: Sydney 1:30pm Chủ Nhật,
Brisbane 12:30pm Chủ Nhật
NZ Wellington: 3:30pm Chủ Nhật



awakeningvajrainternational.org
info@awakeningvajrainternational.org

daiansieutthien20@gmail.com

Quý vị hoan hỷ scan ảnh QR hoặc vào

Zoom id: 339957096 mật mã: cing

Hoặc kết trực tiếp: bit.ly/cing2021

